

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

**TÀI LIỆU GIÁO DỤC ĐỊA PHƯƠNG
TỈNH**

ĐỒNG NAI

Lớp 6

Lời nói đầu

Các em học sinh thân mến!

Đồng Nai là một tỉnh thuộc vùng Đông Nam Bộ. Với vị trí địa lí và điều kiện tự nhiên thuận lợi, tỉnh có nhiều ưu thế trong thu hút đầu tư nước ngoài, phát triển các ngành kinh tế, đặc biệt là công nghiệp. Đồng Nai cũng là nơi có lịch sử khai phá lãnh thổ khá lâu đời với hơn 50 dân tộc cùng chung sống.

Thực hiện Chương trình Giáo dục phổ thông 2018, Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Đồng Nai tổ chức biên soạn **Tài liệu Giáo dục địa phương tỉnh Đồng Nai lớp 6** nhằm giúp các em tìm hiểu, trải nghiệm, khám phá những vẻ đẹp của quê hương; những vấn đề về kinh tế, văn hoá,... của địa phương Đồng Nai.

Tài liệu gồm các chủ đề gắn với các nội dung đặc trưng của địa phương, được thiết kế qua các hoạt động: **Khởi động, Khám phá, Luyện tập và Vận dụng** nhằm tạo điều kiện giúp các em phát huy được tính tích cực trong quá trình học tập, đồng thời hỗ trợ các em phát triển năng lực tự học của bản thân.

Chúng tôi hi vọng rằng, với thiết kế hiện đại, nội dung cập nhật, hình ảnh đẹp, **Tài liệu Giáo dục địa phương tỉnh Đồng Nai lớp 6** không chỉ giúp tìm hiểu, khám phá những vẻ đẹp thiên nhiên hay các vấn đề về kinh tế, truyền thống văn hoá của địa phương mà còn đồng hành với các em trên hành trình rèn luyện ý thức, bồi đắp tình yêu quê hương, xứ sở qua những hành động cụ thể; góp phần xây dựng quê hương Đồng Nai ngày càng giàu đẹp.

Chúc các em có những trải nghiệm thú vị, bổ ích cùng **Tài liệu Giáo dục địa phương tỉnh Đồng Nai lớp 6**.

BAN BIÊN SOẠN

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG TÀI LIỆU



MỤC TIÊU

Những kiến thức, phẩm chất, năng lực, mà em cần đạt được sau mỗi bài học.



KHỞI ĐỘNG

Giúp các em vui vẻ, có hứng thú và dẫn dắt vào bài học mới.



KHÁM PHÁ

Giúp các em quan sát, tìm hiểu,... và trải nghiệm những điều mới.



LUYỆN TẬP

Giúp các em tập làm và hiểu rõ hơn những điều vừa khám phá.



VẬN DỤNG

Giúp các em vận dụng những nội dung đã học vào thực tiễn.

CHỦ ĐỀ 1

THÔNGIỆP TỪ TRUYỆN KỂ DÂN GIAN



MỤC TIÊU

- Nhận biết được chủ đề, nhân vật, những chi tiết nghệ thuật tiêu biểu trong truyện cổ dân gian Đồng Nai.
- Phát hiện được những yếu tố địa phương (địa danh, các dân tộc, truyền thống văn hoá,...) được phản ánh trong các truyện cổ.
- Hiểu được ý nghĩa, thông điệp mà người xưa muốn gửi gắm. Từ đó, có thái độ, cách hành xử đúng đắn, tốt đẹp trong các mối quan hệ gia đình, xã hội.
- Phát hiện và sửa được lỗi chính tả do phát âm tiếng địa phương.
- Tóm tắt và kể lại được một truyện cổ đã học.
- Viết được văn bản miêu tả về một địa danh, một di tích,...ở địa phương.
- Sưu tầm, kể lại được cho lớp nghe các truyện cổ dân gian địa phương.

VĂN BẢN 1

SỰ TÍCH THÁC TRỊ AN

TRI THỨC ĐỌC HIỂU

Châu Ro¹ và Châu Mạ là hai dân tộc sinh sống lâu đời trên đất Đồng Nai. Họ đã để lại nhiều dấu ấn trong văn hoá, ngôn ngữ cư dân các huyện: Vĩnh Cửu, Định Quán, Thống Nhất, Trảng Bom,... Tên gọi hồ và thác Trị An có liên quan đến một truyền thuyết của hai dân tộc này. Nhắc đến Trị An, người ta thường nghĩ đến công trình thủy điện lớn nhất miền Nam và hồ Trị An, nơi cung cấp, điều tiết nước nông nghiệp và sinh hoạt của nhiều tỉnh miền Đông Nam Bộ. Ngày nay, hồ Trị An còn là khu du lịch kì thú. Đến đây, khách tham quan sẽ chìm đắm trong thiên nhiên núi rừng hoang dã và tưởng nhớ đến những người anh hùng của hai dân tộc Châu Ro và Châu Mạ thuở xa xưa.

(1) Châu Ro: còn gọi là dân tộc Chơ Ro, Chrau Jro, Đơ-Ro, sinh sống chủ yếu ở các tỉnh: Đồng Nai, Bình Thuận, Bình Phước,...



Hình 1. Nhà dài người Châu Ro
(Nguồn: Trung tâm xúc tiến du lịch Đồng Nai)

ĐỌC VÀ TRẢI NGHIỆM VĂN BẢN

Câu hỏi trước khi đọc

1. Ở Đồng Nai có tên hồ và thác Trị An, em có hiểu vì sao có tên gọi Trị An không?
2. Em biết những dân tộc thiểu số nào đã sống lâu đời xung quanh khu vực hồ Trị An?

Ngày xưa, ở vùng Đồng Nai, có một bộ tộc du mục thuộc dân tộc Châu Mạ¹, chuyên sống bằng nghề nương rẫy và săn bắt thú rừng. Đứng đầu bộ tộc này là tù trưởng Sora Đin, tuy râu tóc đã bạc phơ nhưng trông ông còn rất khỏe mạnh.

Sora Đina là con trai lớn của tù trưởng Sora Đin, được cha truyền nghề cung ná từ nhỏ nên sớm trở thành tay thiện xạ². Trong một ngày, Sora Đina có thể dễ dàng hạ hai con hổ. Chàng còn có thể hạ được cả loài cá sấu hung dữ đã một thời gây khiếp sợ ở vùng giáp Sông Bé và sông Đồng Nai.

Lúc bấy giờ ở thượng nguồn sông Đồng Nai có nàng Điểu Du là trưởng nữ của tù trưởng Điểu Lôi, người Châu Ro. Điểu Du say mê tập tành với chí hướng nối nghiệp cha.

(1) Châu Mạ: còn gọi là dân tộc Mạ, sinh sống chủ yếu ở các tỉnh Lâm Đồng, Đắk Lắk, Đồng Nai,...

(2) Thiện xạ: bắn giỏi.

Chính cô đã trừ được con voi một ngà hung dữ ở vùng Đát Bo. Tiếng thơm bay xa. Tài thiện xạ của Sora Đina gây được sự cảm mến trong lòng Điểu Du. Và Sora Đina cũng muốn được gặp mặt người con gái nổi tiếng về tài phóng lao ở miền thượng lưu con sông. [1]

Năm nọ, trời hạn hán, các con suối lớn nhỏ đều khô cạn. Cả người lẫn thú đổ xô ra sông tìm nước uống. Một hôm trời chuyển động, mây đen chao đảo trên vòm trời. Một chiếc xuồng độc mộc¹ chở một thiếu nữ tất tả xuôi mau vào bờ. Bỗng một con cá sấu từ dưới nước nổi lên và đuổi theo chiếc xuồng. Lập tức, hai mũi lao từ tay Điểu Du phóng nhanh về phía con cá sấu. Nó bị thương nên càng vẫy vùng lồng lộn, há miệng định nuốt chửng cả chiếc xuồng và người con gái. Trong cơn nguy hiểm, may sao thuyền của Sora Đina vừa kịp xuất hiện. Nhanh như chớp, chàng bắn liền hai phát tên. Cá sấu trúng tên chạy được một đoạn thì chìm ngấm.



Hình 2. Người Chơ Ro (ở xã Phú Lý, huyện Vĩnh Cửu) biểu diễn cồng chiêng.

(Nguồn: Trung tâm xúc tiến du lịch Đồng Nai)

gặp con suối cạn, Sora Đina phải dìu ngựa qua các gộp đá lởm chởm. Đột nhiên từ trên cây cổ thụ có một con cọp xám phóng xuống ôm chàng lấy Sora Đina.

Đó là một gã đàn ông đội lốt hổ. Nó vừa đánh nhau với Sora Đina vừa hăm dọa:

– Thần hổ đây, tao sẽ giết mày vì mày có tội... [2]

Sora Đina nào phải tay vừa. “Thần hổ” bị đánh ngã, bèn xông tới toan cướp ngựa. Con ngựa trắng hí lanh lảnh chồm lên dữ dội, “thần hổ” bị ngựa đá, phóng nhanh vào rừng. Đi thêm một đổi ngắn, Sora Đina đã thấy Điểu Du ra đón chàng ở bìa rừng. Đàng xa, Điểu Lôi cũng vừa tới.

Nhân lúc ngồi nghỉ, Sora Đina hỏi Điểu Du:

?

[1] Theo em, Sora Đina và Điểu Du có gặp được nhau không và họ gặp nhau trong hoàn cảnh nào?

Sora Đina và Điểu Du quen nhau từ đó. Họ trở thành đôi bạn xuôi ngược dòng sông. Dần dần, họ yêu nhau. Mỗi tình của hai người được Sora Đin và Điểu Lôi chấp thuận. Theo phong tục hồi đó, trước ngày cưới, Sora Đina phải về ở rể bên đàng gái. Sora Đin cho con trai mình chiếc tù và và căn dặn:

– Gặp trắc trở thì thổi tù và, sẽ có người đến giúp.

Sora Đina lên con ngựa trắng tiến về miền thượng lưu. Đi một đoạn đường,

?

[2] Em hãy đoán xem Sora Đina sẽ bỏ chạy hay đánh nhau với “thần hổ” và kết quả như thế nào.

(1) Xuồng độc mộc: chiếc xuồng làm bằng một thân cây đục rỗng.

– Vùng này có hổ không em?

Điểu Du cười đáp:

– Thằng thầy mo¹ Sang Mô đó. Nó bày trò hù dọa dân làng. Nó oán em lắm vì em không ưng nó.

Thấy bóng Sang Mô loáng thoáng gần đây, Sora Đina lên tiếng:

– Mời anh Sang Mô đến uống rượu với chúng tôi.

Sang Mô đến, hấn trừng mắt nói với Sora Đina:

– Anh là kẻ xa lạ, đến đây để làm gì?

Một lát, hấn nhìn Sora Đina cười nham hiểm:

– Nghe nói anh nổi tiếng về tài thiện xạ. Vậy ta thách anh, nếu anh bắn trúng cái lá chót trên cành cây ta đang cầm trên tay thì ta sẽ nhường Điểu Du cho anh.

Hấn bẻ một nhánh quýt rừng và giơ lên. Hấn vừa thách vừa lắc lắc bàn tay khiến nhánh quýt run rẩy như gặp gió.

– Nào bắn đi!

Dừng một phút, Sora Đina quát lớn:

– Thần hổ coi đây!

Sang Mô giật mình, ngừng tay. Sora Đina bắn mũi tên xuyên qua chiếc lá chót. Mọi người reo hò hoan hỉ.

Lễ cưới diễn ra trọng thể. Đâm trâu, mời rượu, múa hát,... Dân làng ca ngợi đôi trai gái bằng tiếng hát và tiếng công chiêng² vang dậy. Riêng Sang Mô tức tối, kiếm cách trả thù.

Năm sau, Điểu Du sinh được một bé trai. Ngày đưa bé ra đời, mưa tầm tã, Sang Mô nhân đó tung tin: “Điểu Du sanh ra ma quỷ, rồi sẽ có nạn mất mùa đói kém!”. Do đồn nhảm, Sang Mô bị Điểu Lôi gọi đến quở phạt. Hấn càng oán giận. Năm sau nữa, trong một chuyến đi săn chung với Điểu Lôi, Sang Mô đã sát hại viên tù trưởng bằng một mũi tên bắn lén sau lưng. Rồi hấn cùng với mười tên phản loạn khác kéo về suối Đạt Bo để giết luôn vợ chồng Sora Đina. Canh hai đêm đó, ngôi nhà của vợ chồng Sora Đina bỗng dựng bốc cháy. Sora Đina chỉ kịp hét lớn: “Có kẻ đốt nhà!”, rồi ẵm con cùng Điểu Du thoát ra khỏi vùng lửa.

Cuộc xô xát diễn ra ác liệt. Mải lo che chở cho con, Sora Đina bị thất thế. Điểu Du sau một lúc chống cự cũng bị Sang Mô bắt. Sora Đina xông tới cứu vợ, đứa con tuột khỏi tay chàng vắng xuống đất.

Bỗng một cái bóng mảnh mai lao nhanh đến và ôm lấy thằng bé chạy thoát vào rừng. Người đó chính là Sang My, em gái Sang Mô. Sang Mô gào lên:

– Đuổi theo, trừ cho tiết nòi! Cho dù là em gái ta, cũng cứ bắn!

(1) Thầy mo: thầy cúng ở các vùng dân tộc thiểu số.

(2) Công chiêng: các loại nhạc khí dùng để phát lệnh hoặc biểu diễn trong lễ hội.

Tên bay vun vút. Sang Mô còn đốt cháy rừng hòng ngăn cản em gái mình chạy thoát. [3]

Dù vậy, bóng con ngựa trắng của Sora Đina chở Sang My trên lưng vẫn biến mất vào rừng. Tức giận, Sang Mô nghiêng rặng trời chặt vợ chồng Sora Đina quăng xuống một chiếc xuồng có chất sẵn một thứ nhựa cây dễ cháy, rồi thả xuồng trôi theo dòng nước chảy xiết. Sang Mô cho xuồng chèo rượt theo và cứ nhắm vào xuồng của Sora Đina buông những phát tên lửa. Đến một bậc đá, xuồng bị cản lại. Sora Đina đã kịp tháo dây trời và rút tù và ra thổi một hồi dài. [4]

?

[3] Theo em, Sang My và đứa bé có thoát khỏi sự truy đuổi của Sang Mô không?

?

[4] Sora Đina thổi tù và để làm gì?

Hàng trăm người ở miền hạ lưu nghe tiếng tù và liền đổ xô ra bờ sông, nhảy qua những gập đả, tiến tới chiếc xuồng đang bốc cháy ngùn ngụt. Mọi người ngậm ngùi trước cái chết đau đớn của Sora Đina và Diểu Du. Vừa lúc ấy, con ngựa trắng chở Sang My và đứa bé cũng chạy tới. Trên lưng Sang My có hai mũi tên cắm sâu. Nàng chỉ kịp trao đứa bé cho ông già Sora Đin rồi ngã gục xuống ngựa. Sora Đin vuốt mắt Sang My.

– Ngàn đời tri ân nàng đã cứu cháu ta.

Còn con ngựa trắng thì ngóc đầu nhìn ra phía ngọn lửa đang bốc cháy. Không thấy chủ, nó hí lên một tiếng dài buồn thảm rồi phóng mình xuống dòng thác xoáy.

Trong khi đó bà con đã bắt trời Sang Mô và mười tên phản loạn đem nộp cho Sora Đin. Những tên nghe lời dụ dỗ mua chuộc của Sang Mô được Sora Đin xoá tội, còn Sang Mô thì bị trời chặt vào chỗ nó gây ra tội ác. Tù trưởng Sora Đin giương ná và lắp một mũi tên nhắm vào Sang Mô. Mọi người hồi hộp chờ đợi.

Chợt Sora Đin hạ ná và hô to một tiếng “Pap”, rồi quăng cái ná xuống dòng thác. Ông nói:

– Hận thù không nên nối tiếp bằng máu! Vì lòng tri ân đối với Sang My, ta tha chết cho Sang Mô!

Sang Mô dập đầu lạy tạ Sora Đin rồi ôm xác Sang My bước xuống xuồng, nước mắt rơi lã chã.

Từ đó, người trong vùng gọi thác này là thác Tri Ân, sau đọc trại thành Trị An.

(Trích *Truyện dân gian Đồng Nai*, Huỳnh Tới biên soạn, NXB Đồng Nai, 1994)



Hình 3. Hồ Trị An (Nguồn: Trung tâm xúc tiến du lịch Đồng Nai)



Câu hỏi sau khi đọc

1. Truyện nhắc đến những dân tộc nào trên đất Đồng Nai? Tìm những chi tiết ca ngợi tình đoàn kết giữa các dân tộc đó.
2. Những chi tiết nào cho thấy Sora Đina và Điếu Du là những người tài giỏi, ưu tú của dân tộc mình?
3. Cuối tác phẩm, vì sao Sora Đin tha cho Sang Mô? Hành động này gợi cho em suy nghĩ gì về thái độ và cách ứng xử trong cuộc sống?
4. Từ câu chuyện, hãy lí giải vì sao thác có tên là thác Trị An.

THÁC TRỊ AN XƯA VÀ NAY

Một số tư liệu cho biết thác Trị An xưa ở đất Biên Hoà nổi tiếng với cảnh thác hùng vĩ. Đây là thác cuối cùng trong dòng chảy của sông Đồng Nai trước khi chảy vào vùng bình nguyên miệt hạ. Có dịp xem những bức ảnh chụp thác Trị An vào những năm đầu thế kỉ XX mới thấy được cảnh thác rộng, nước chảy cuộn cuộn. Có người từng ví von hình ảnh sống động của dòng sông Đồng Nai phía trên thác Trị An như một sơn nữ hồn nhiên, tràn đầy sức sống, nhảy tung tăng qua bao ghềnh thác, thung lũng, núi đồi. Đến thác Trị An như một dấu ấn mà sông bỗng hoá thân làm người phụ nữ hiền hoà, êm dịu, lặng hoà đổ vào vùng bình nguyên mênh mông với dòng nước bao dung ôm lấy những cù lao, sông rạch nên thơ...

Thác Trị An gắn liền nhiều tích truyện dân gian thật thú vị. Ở đó, có chàng dũng sĩ diệt thú dữ, cứu dân làng; gắn với một người có công khai mở đất vùng lam sơn chướng khí; chuyện tình của đôi trai gái khác sắc tộc yêu nhau;... Có lẽ, cảm động nhất là câu chuyện tình yêu giữa cô gái ở thượng nguồn với chàng trai miệt hạ nguồn, vượt qua trắc trở bởi những luật tục ràng buộc để đến bên nhau. Chuyện kể: "... Ngược dòng Đồng Nai, chàng trai miệt hạ lạc vào lãnh thổ của người sơn cước thượng nguồn. Chàng trai bị bắt, nhưng nhờ sự dũng cảm và tài năng của mình, chàng đã được dân làng cho sinh sống, trú ngụ. Tại đây, tình cảm của chàng trai và con gái của vị già làng đã nảy nở. Nhớ quê, chàng tìm cách trở về khi băng qua cây cầu độc đạo và bị ngã xuống bởi loạt cung tên định mệnh của xứ sở người yêu. Trước tình cảnh đó, cô gái làng sơn cước đã trằm mình dưới dòng nước dữ, hoá thân thành tượng đá ngày đêm khóc thương cho tình yêu của mình...". Nước mắt của người sơn nữ như con nước ngày đêm réo rắt giữa đại ngàn. Chàng trai và cô gái đã chết, nhưng tình yêu của họ bất tử. Đây là một trong những chuyện tích mang mô-típ huyền thoại đẹp đẽ của tình yêu mang dấu ấn của một thời mở cõi với những cộng đồng tộc người khai khẩn vùng đất Đồng Nai.

Dòng chảy Trị An trên địa bàn huyện Vĩnh Cửu, được chặn dòng bắt đầu hình thành nên hồ Trị An vào thập niên 80 của thế kỉ XX để có một nhà máy thủy điện Trị An lớn nhất miền Nam Việt Nam lúc bấy giờ. Công trình thủy điện Trị An được khởi công xây dựng năm 1984. Đập hồ Trị An được xây dựng bằng đá hỗn hợp, có chiều dài 420 m, chiều cao 40 m, đỉnh đập rộng 10 m. Phần đập tràn chịu lực bằng bê tông dài 150 m, có 8 khoang tràn với mỗi khoang rộng 15 m và 8 cửa van. Bên cạnh đó có đập Suối Rập dài 2 750 m, cao 45 m và hệ thống đập đất phụ có chiều dài tổng cộng 6 263 m.

Để xây dựng công trình thủy điện Trị An, hàng triệu lượt người ở miền Nam đã được huy động, làm việc cật lực trong nhiều năm. Công trình thủy điện Trị An mang tầm vóc quốc tế, thấm đượm tình hữu nghị Việt Nam – Liên Xô. Một đội ngũ các chuyên gia, kĩ sư Liên Xô đã luôn kiên trì bám trụ, hợp tác cùng đội ngũ kĩ sư, lao động người Việt Nam để hoàn thành công trình. Sau 7 năm, 8 tháng, 10 ngày, 4 tổ máy của của nhà máy này đã hoà vào lưới điện quốc gia vào ngày 31/10/1989. Công trình thủy điện Trị An vừa sản xuất điện

năng cho miền Nam, vừa thực hiện chức năng thủy nông cho toàn vùng Đông Nam bộ.

Hồ Trị An được hình thành đã trở thành nguồn tài nguyên về nhiều mặt, được khai thác để phục vụ cho đời sống của người dân miền Nam. Hiện nay, với diện tích mặt nước hồ 323 km², hồ Trị An có khoảng 70 đảo lớn nhỏ, trong đó có một số đảo có cảnh quan thiên nhiên như: đảo Ó, đảo Đồng Trường,... đang được khai thác du lịch.

Trong quy hoạch phát triển du lịch Đồng Nai, hồ Trị An là một trong những điểm đến hấp dẫn với cảnh quan sinh thái, di tích của vùng rừng núi Vĩnh Cửu thuộc Chiến khu Đ xưa.

(Theo Phan Đình Huyền, *baodongnai.com.vn*, 24/3/2008, chuyên mục Văn hoá)



Hình 4. Thủy điện Trị An (Nguồn: Xuân Tiếp)

VĂN BẢN 2

CHÀNG ỨT NÀNG SEN

TRI THỨC ĐỌC HIỂU

Đồng Nai vốn nổi tiếng về nghề gốm. Gốm Đồng Nai kết hợp tinh hoa từ nhiều nguồn văn hoá truyền thống của các dân tộc Việt, Chăm, Hoa,... Sở dĩ ở đây có nghề gốm lâu đời là vì chất liệu đất sét ven sông Đồng Nai rất thích hợp để làm gốm. Người dân địa phương còn thêu dệt nên một câu chuyện li kì để lí giải nguyên nhân đất ở đây “mịn và dẻo như quánh vào nhau không rời”.

Câu hỏi trước khi đọc

1. Em đã được đến thăm các lò gốm ở Đồng Nai chưa? Em thấy quy mô ngành sản xuất gốm ở tỉnh mình như thế nào?
2. Em hãy kể qua một vài công đoạn của nghề làm gốm? (Khâu đầu tiên, cuối cùng là gì?)

Chàng tên là Út, ở làng trên, được cha truyền nghề thợ xoay¹. Nàng tên là Sen, ở làng dưới, kế nghiệp mẹ làm thợ chấm men xoay². Cả hai đều hiền lành, chăm chỉ làm ăn, hoa tay khéo léo và đều được xem là nghệ nhân nổi tiếng trong vùng gốm ven sông Đồng Nai. [1]

Chàng Út có thói quen in dấu ngón tay út vào sản phẩm của mình. Hàng gốm do chàng Út xoay được ưa chuộng, người ta đặt hàng đưa về làng dưới chấm men rồi vào lò. Nàng Sen vì tên là Sen nên thích tạo hoạ tiết chấm men thành búp sen xanh. Thấy có dấu ngón tay út in vào mặt hàng được xoay, tạo dáng xinh xắn, Sen cũng tình nghịch in dấu ngón tay út mình vào bên cạnh. Lâu dần, dấu hai ngón tay út và búp sen xanh trở thành dấu hiệu của những hàng gốm được yêu thích, có giá, người ta tìm mua và bán đi khắp nơi.

Một lần tình cờ gặp nhau, nhận ra sự gắn bó cần thiết cho nhau trong nghề nghiệp, chàng Út và nàng Sen kết duyên chồng vợ. Họ chung sức làm cho hàng gốm của mình ngày càng thêm đẹp, thêm độc đáo. Cuộc sống của họ cũng mỗi ngày mỗi khấm khá và hạnh phúc.



Hình 5. Gốm mỹ nghệ Biên Hoà
(Nguồn: Trần Hào)



[1] Theo em, chàng Út và nàng Sen sẽ gặp nhau trong hoàn cảnh nào?



[2] Liệu cái chết có chia rẽ được đôi vợ chồng chàng Út – nàng Sen?

Dòng sông quê hương thương đôi vợ chồng tài ba, chung thủy, dìu hai cái xác lại gần nhau, cùng trôi bên nhau. Lạ là máu họ tuôn ra không ngớt, hoà với ánh chiều rực rỡ, nhuộm đỏ cả dòng sông hàng mấy dặm. Sóng nước lại đưa máu thấm sâu vào đất hai bên bờ. Đất hoá đỏ thắm, mịn và dẻo như quánh vào nhau không rời.

Từ đó, thứ đất nhuộm máu hai nghệ nhân tài ba và chung thủy trở thành đất làm gốm nổi tiếng cho đến bây giờ.

(Trích *Truyện dân gian Đồng Nai*, Huỳnh Tới biên soạn, chỉnh lí, NXB Đồng Nai, 1994)

(1) Thợ xoay: người thợ đặt đất trên bàn xoay, nặn hình sản phẩm.

(2) Thợ chấm men: người vẽ hoạ tiết lên sản phẩm trước khi đưa vào lò nung.

HƯỚNG DẪN ĐỌC HIỂU

1. Truyện này kể về làng nghề sản xuất gốm ở Đồng Nai, trong bối cảnh xã hội đã tương đối phát triển. Tuy nhiên, trong truyện vẫn còn một số yếu tố kì ảo. Em hãy làm sáng tỏ điều đó.
2. Những chi tiết nào chứng minh chàng Út và nàng Sen là những người tài đức vẹn toàn?
3. Người xưa đã kể chuyện này để giải thích điều gì?
4. Nêu thông điệp cuộc sống mà câu chuyện muốn gửi gắm đến người đọc.

ĐỌC KẾT NỐI KIẾN THỨC

GỐM CỔ SÔNG ĐỒNG NAI

Sông Đồng Nai bắt nguồn từ cao nguyên Langbiang, đổ ra cửa biển Cần Giuộc, dài 610 km, đi ngang qua địa bàn thành phố Biên Hoà, Đồng Nai (đoạn đi qua tỉnh Đồng Nai dài 220 km). Lòng sông Đồng Nai ngoài việc cung cấp thủy sản nước ngọt vùng miền Đông, nước sinh hoạt, cát xây dựng, thủy điện, còn là nơi ẩn chứa nhiều điều kì diệu liên quan đến thành tựu văn hoá của cư dân cổ Đồng Nai hàng trăm năm trước. Vào năm 1977, ngư dân đã phát hiện ra một số tượng đá cổ, đồ gốm, đồ đồng ở lòng sông Đồng Nai, mở ra nhiều hướng nghiên cứu khoa học trong và ngoài tỉnh về nền văn hoá cổ ở vùng đất này. Đầu tháng 11 năm 1994, một ngư dân địa phương tình cờ vớt được một số đồ gốm không men thuộc loại hình bình, hũ, ghè,... còn tương đối nguyên vẹn trong khi đánh bắt thủy sản ở sông Đồng Nai đoạn Cù lao Rùa. Liên tiếp trong 4 năm (1994 – 1998), những ngư dân đánh bắt ở sông Đồng Nai đã trực vớt được vô số đồ gốm cũng tương ứng với loại hình gốm phát hiện ban đầu nhưng phong phú và đa dạng hơn nhiều. Cũng trong khoảng thời gian trên, cơ quan chuyên môn phối hợp với ngư dân địa phương tổ chức trực vớt, thu thập và đưa về bảo tàng bộ hiện vật gồm 1 141 hiện vật, trong đó có 1 090 hiện vật là đồ gốm gồm đủ loại hình có men, không men, đồ sành sứ và trên 50 hiện vật đồ đồng, đá chủ yếu được khai thác từ đoạn Cù lao Rùa (thành phố Biên Hoà) đến Bến Gỗ (huyện Long Thành).



Hình 6. Sản phẩm gốm Tân Vạn, tỉnh Đồng Nai
(Nguồn: Trần Hào)

[...]

Bộ hiện vật gốm lòng sông thực sự là một kho tàng cổ vật vô giá, là bằng chứng hùng hồn cho truyền thống làm gốm lâu đời của cư dân Đồng Nai. Bộ hiện vật giúp cho giới nghiên cứu khoa học có những cứ liệu quan trọng về một nền văn minh cổ lưu vực sông Đồng Nai thời kì và sơ sử đến cận đại cần được khám phá bảo tồn.

(Theo Huỳnh Văn Tới – Phan Đình Dũng,
Đồng Nai – góc nhìn văn hoá, NXB Đồng Nai, 2010)

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

1. Em hãy tìm trong văn bản trên:

- a. Những từ có phụ âm đầu **v/d**.
- b. Những từ có vần **at/ac, an/ang, ước/ước**.

2. Chọn điền **r, v, d** hoặc **gi** vào chỗ trống cho đúng chính tả:

- a. Anh ấy ...ao ...u rộng.
- b. Trong ...ây lát anh đã kéo được sợi ...ây về mặt đất.
- c. Cô ...áo ăn mặc ...ản dị.
- d. Văn học ...ân ...an là những sáng tác văn học do nhân ...ân tạo nên và lưu truyền.
- e. ...iển ...ả là người mang lại hạt giống tinh thần, truyền cảm hứng sống cho người khác.
- f. Lá ...eo ...ui trên những hàng cây.
- g. Thấy như người ...eo hạt ...ống tâm hồn cần mẫn trên cánh đồng tri thức.
- h. Gió thổi cành lá ...ung ...inh.
- i. Lửa cháy ...ừng ...ực, không ai ...ám vào.
- j. Lưỡng Hà là nơi ...a đời của nhiều nền ...ăn minh lớn cổ xưa nhất.
- k. ...u lịch ...úp bạn cảm thấy cuộc sống tốt đẹp ...à đáng sống hơn.

3. Chọn chữ thích hợp trong ngoặc đơn điền vào chỗ trống:

- a. ... chuyển xe chở ... nối đuôi nhau thành hàng dài trên quốc lộ. (cát/ các)
- b. Cô ấy ... chỉ tôi cách ... áo. (đang/ đan)
- c. ... sương mờ ảo bao phủ ... xóm đang êm đềm trong giấc ngủ. (làng/ làn)
- d. ...sơn này đã trải qua bao ... khổ mới có ngày nay. (giang/ gian)
- e. Tôi... khao được trải nghiệm một cuộc sống ... (khác/ khát)

4. Đọc đoạn văn sau, phát hiện lỗi chính tả và sửa lại cho đúng:

Như người đeo hạt đồng tâm hồn, thấy cô iêu mến trẻ, mệt mỏi xách dúp các em chim lĩnh tri thức, kĩ năng, làm chủ cảm xúc, suy nghĩ dà hành động. Trên cánh đồng tuổi thơ, thấy cô dáo đeo ươm những hạt đồng tốt nhân nghĩa, thánh thiện và đeo ước mơ tươi xáng ngày mai.



VĂN BẢN 1

SỰ TÍCH TRÁI SẦU RIÊNG



Hình 7. Sầu riêng Long Khánh
(Nguồn: Xuân Tiếp)

ĐỌC VÀ TRẢI NGHIỆM VĂN BẢN

Ngày xưa, vào hồi Tây Sơn khởi nghĩa, có một chàng trẻ tuổi người vùng Đồng Nai¹, chàng là người tài kiêm văn võ, đã vung gươm hưởng ứng cái bất bình của mọi người. Chàng từng cầm quân mấy lần đánh cho tan tác thầy trò Nguyễn Ánh.

Nhà Tây Sơn mất, chàng rút lui về quê nhà mượn nghề gỗ đầu trẻ để nấu hình ẩn tích. Đột nhiên có tin dữ truyền đến làm cho mọi người xao xuyến: Gia Long vừa thắng thế trên đất nước Việt, bắt đầu giết hại những người từng làm quan cho nhà Tây Sơn.

Nhân dân trong xóm sẵn lòng quý mến chàng, khuyên chàng trốn đi thật xa. Họ giúp tiền gạo và mọi thứ cần dùng, trong đó có cả một chiếc thuyền nhỏ mũi lõng để tiện đi lại.

(1) Trước đây, từ Đồng Nai hay vùng đất Đồng Nai là ám chỉ cả một vùng Nam Bộ rộng lớn của bây giờ.

Vì không muốn để rơi vào tay quân địch, chàng ra đi. Ngược dòng sông Cửu Long, chàng tiến sâu vào nước Chân Lạp.

Một hôm, chàng cầm sào lên bộ sắm thức ăn. Chàng bước vào một quán bên đường, trong quán có một bà mẹ ngồi ủ rũ cạnh một cô gái nằm mê man bất tỉnh. Đó là hai mẹ con đi dâng hương trên núi Tà Lơn, về đến đây thì con bị ốm nặng. Vốn có biệt tài về nghề thuốc, chàng giúp cho cô gái chóng lấy lại sức khỏe. Sẵn có thuyền riêng, chàng chở họ về tận nhà. Nàng có vẻ đẹp thủy mị, là con gái chưa chồng, đã đến tuổi quay xa đạp cưới. Tự nhiên chàng trai người Việt ở đâu tận xa xôi đến trú ngụ tại nhà làm cho nàng quyến luyến.

Sau một tuần chay tạ ơn trời Phật, mẹ nàng cho biết là Phật đã báo mộng cho hai người lấy nhau. Chàng vui vẻ nhận lấy cuộc sống mới cho qua ngày. Từ đây, chàng có chỗ ở nhất định. Nhà nàng là nhà làm ruộng, nuôi tằm, những việc đó chàng đều làm được cả.

Mười năm thoảng qua như một giấc mộng. Hai vợ chồng quần quýt với nhau như đôi chim câu. Trong vườn nhà vợ có một cây ăn quả gọi là cây “tu rên” mà ở xứ sở chồng không có. Mùa trái chín đến, người vợ ra vườn nhặt những trái rụng, đưa về xẻ cho chồng ăn. Quả “tu rên” vốn có một mùi hôi đặc biệt. Thấy chồng nhăn mặt, vợ bảo:

– Anh ăn sẽ biết nó đậm đà như lòng em đây.

Không ngờ một ngày kia, vợ đi dâng hương Đế Thiên, Đế Thích về thì ngộ cảm. Chồng cố công chạy chữa nhưng không sao cứu kịp. Cái chết chia rẽ cặp vợ chồng một cách đột ngột. Không thể nói hết cảnh tượng đau khổ của người chồng. Nhưng hai người vẫn gặp nhau trong mộng. Chồng hứa trọn đời sẽ không lấy một ai nữa. Còn hồn vợ thì hứa không lúc nào xa chồng.

Nghe tin Gia Long đã thôi truy nã những người khởi nghĩa cũ, bà con chàng ở quê hương nhả tin lên bảo về. Những người trong xóm cũng khuyên chàng tạm đi đâu cho khuây khoả. Chàng đành từ giã quê hương thứ hai của mình. Trước ngày lên đường, vợ báo mộng cho chồng biết là sẽ theo cho đến sơn cùng thủy tận. Năm ấy, cây “tu rên” tự nhiên chỉ ra có mỗi một quả. Và quả “tu rên” ấy tự nhiên rơi ngay vào vạt áo chàng giữa lúc chàng ra thăm cây kỉ niệm của vợ. Chàng mừng rỡ quyết đưa nó cùng về xứ sở.

Chàng lại trở về nghề gỗ đầu trẻ, nhưng nỗi riêng canh cánh không bao giờ nguôi. Chàng đã ươm hạt “tu rên” thành cây, đem trồng trong vườn ngoài ngõ. Từ đây, chàng ngoài công việc dạy học, còn có công việc chăm nom cây quý.

Những cây “tu rên” của chàng ngày một lớn khỏe. Lại mười năm nữa sắp trôi qua. Chàng trai ngày xưa bây giờ tóc đã lốm đốm bạc. Nhưng ông già ấy lòng bỗng trẻ lại khi thấy những cây của mình bấy lâu chăm chút nay bắt đầu khai hoa kết quả. Ông sung sướng mời họ hàng, làng xóm tới dự đám giỗ của vợ và nhân thể thưởng thức một thứ quả lạ đầu tiên có ở trong vùng. Khi những quả “tu rên” được bưng ra đặt lên bàn, mọi người thoáng ngửi thấy một mùi khó chịu. Nhưng chủ nhân biết ý đã nói đón: “Nó xấu xí, nó hôi nhưng chính những mùi của nó ở trong lòng lại đẹp để thơm tho như mối tình đậm đà của đôi vợ chồng son trẻ...”. Ông ta vừa nói vừa xẻ những quả “tu rên” chia từng múi cho

mọi người cùng nếm. Rồi ông ta kể hết đoạn tình duyên xưa mà từ lúc về đến nay ông cố ý giấu kín trong lòng. Ông kể mãi, kể mãi. Và khi kể xong, ở khoé mắt con người chung tình ấy long lanh hai giọt lệ nhỏ vào múi “tu rên” đang cầm ở tay. Hai giọt nước mắt ấy sôi lên sùng sục trên múi “tu rên” như vôi gặp nước và cuối cùng thấm vào múi như giọt nước thấm vào lòng gạch.

Sau đám giỗ ba ngày, người đàn ông ấy bỗng không bệnh mà tự nhiên chết. Từ đấy, dân làng mỗi lần ăn thứ quả đó đều nhớ đến người gây giống, nhớ đến chuyện người đàn ông chung tình. Họ gọi “tu rên” bằng hai tiếng “sầu riêng” để nhớ mối tình chung thủy của chàng và nàng. Người ta lại còn nói những cây sầu riêng nào thuộc loại hạt có hai giọt nước mắt của chàng thì mới là thứ sầu riêng có quả ngon hơn các thứ khác.

(Theo *Tuyển tập truyện cổ tích các dân tộc ở Việt Nam*, tập 1, Viện Khoa học Xã hội tại Thành phố Hồ Chí Minh, 1987)



Hình 8. Sự tích trái sầu riêng

HƯỚNG DẪN ĐỌC

1. Qua văn bản, em biết gì về nguồn gốc, đặc điểm của cây sầu riêng?
2. Người vợ đưa trái sầu riêng cho chồng và nói: “Anh ăn sẽ biết nó đậm đà như lòng em đây”. Em hãy giải thích ý của người vợ.
3. Em hãy chỉ ra một vài yếu tố kì ảo trong truyện.
4. Em hãy giải thích chữ “sầu riêng” theo nghĩa mà người dân Nam Bộ đặt cho trái tu rên.
5. Người xưa muốn nhắc nhở chúng ta điều gì qua câu chuyện này?

TRẬN MĂNG XÀ

(Huỳnh Văn Nghệ ghi)

Ngày xưa, ở Đồng Nai có một loại trăn to và rất dữ mà trong vùng thường được gọi là măng xà vương¹. Người ta bảo có những con măng xà to bằng cái cối xay lúa² và dài đến hai, ba chục thước, có thể nuốt sống được tất cả các loại thú rừng, kể cả voi. Măng xà bắt các loài thú khác bằng cách dùng thân quấn chặt đối phương rồi xiết cho đến chết. Đối với những con thú nhỏ không quấn được thì nó chỉ táp rồi nuốt sống, con vật đáng thương vùng vẫy kêu la trong bụng nó một hồi lâu rồi mới chết ngộp. Mỗi khi no say, măng xà nằm ngủ luôn tại chỗ hàng tháng trời. Nó nằm ngủ im lìm như một thân gỗ mục, mặt trời mưa, trời nắng. Lá rụng đầy trên lưng nó, rêu mọc lên thân, lên đầu nó. Nếu có con thú nào vô ý dẫn mạnh lên thân, lên đầu thì nó giật mình vùng dậy bắt ăn luôn rồi ngủ tiếp.

Đồng bào Đồng Nai sợ măng xà hơn sợ ma quỷ. Nó đến đâu thì thú rừng bị ăn hoặc trốn đi nơi khác hết. Thợ săn³, thợ rừng⁴ phải chịu nghèo đói. Nó bò đến đâu thì nương rẫy ngã rạp đến đó như bị bão lụt. Có con măng xà đã nuốt chửng một lần cả anh thợ săn và bầy chó. Nhiều làng ở ven rừng phải lập miếu thờ⁵ thần măng xà như thờ thần hổ vậy. Nhiều người tinh thông võ nghệ⁶ đã từng đánh được hổ, nhưng khi nói đến măng xà thì cũng đành thu mình lại, dẫu roi mà chạy.

Thuở ấy, có hai cha con ông Bảy Túc ở làng Mỹ Lộc cũng rất giỏi võ và đều làm nghề thợ rừng. Rừng là nguồn sống duy nhất của gia đình này. Ngoài việc đốn tre, thả gỗ, cắt tranh, thả bè, cha con ông Bảy Túc không còn biết làm nghề nào khác. Vì vậy có những lúc nghe nói có thú dữ về rừng, không ai dám đi rừng nữa, ông Bảy Túc cũng phải mạo hiểm⁷ đi kiếm miếng cơm, manh áo cho gia đình trong chốn rừng thiêng ấy. Người ta bảo “sanh nghề thì tử nghiệp”⁸, sống nhờ rừng thì thế nào cũng chết vì rừng, nhưng ông Bảy vẫn không muốn bỏ cái nghề làm ăn quen thuộc của mình mà càng yêu nghề, yêu rừng tha thiết. Người con trai của ông tên là Mạnh, một thanh niên hai mươi tuổi, to khỏe và nhanh nhẹn. Anh đã hỏi vợ đôi ba nơi rồi mà không được, chỉ vì anh làm cái nghề quá nguy hiểm. Cha mẹ cô Thoan, người yêu của Mạnh không ngần ngại mà nói với con gái của mình rằng: “Mày muốn lấy thằng Mạnh làm chồng thì nên để tang nó trước vì nó là miếng mồi ngon của măng xà đó”. Thoan khuyên Mạnh đi làm nghề khác để được cưới nhau, nhưng Mạnh không nỡ bỏ cha đi rừng một mình, rồi cuộc hai người vẫn không thành vợ chồng được.

¹ Măng xà vương: vua của loài rắn.

² Cối xay lúa: cối dùng để xay, gồm hai thớt tròn, thớt dưới cố định, thớt trên quay được chung quanh một trục.

³ Thợ săn: người làm nghề săn bắt thú rừng và chim.

⁴ Thợ rừng: người làm nghề khai thác tài nguyên, sản vật của rừng.

⁵ Miếu thờ: nơi thờ thần thánh (hoặc những nhân vật được nhân dân tôn thờ).

⁶ Tinh thông võ nghệ: hiểu biết tường tận, thấu đáo và sử dụng thành thạo các môn võ để chiến đấu.

⁷ Mạo hiểm: liều lĩnh làm một việc biết là có thể mang lại hậu quả rất tai hại.

⁸ Sanh nghề thì tử nghiệp: ý nói sống nhờ nghề nào thì chết vì nghề ấy.

Một hôm hai cha con ông Bảy Túc vào rừng bồng gặp một con voi bị mãng xà quấn. Đầu con mãng xà bám chặt trên một cây cổ thụ¹ rất cao. Nó chỉ dùng khúc đuôi quấn hai vòng quanh thân con voi to tướng. Sức voi có thể bứt đứt mãng xà ra làm đôi và giài xác nó. Nhưng không hiểu sao voi lại nhắm nghiền mắt, đứng yên như chết. Nhìn kĩ, ông Bảy Túc mới thấy rằng chót đuôi của mãng xà đang ngoáy vào rốn voi làm cho voi nhột quá chịu không nổi, đành chết đứng như vậy. Ông Bảy nghĩ thầm: “To, béo không phải là mạnh, một chỗ yếu bị chọc có thể làm cho sức mạnh đến mấy cũng trở thành vô dụng.”. Nghĩ vậy ông nói với con rằng: “Chúng ta phải cứu “ngài” (tức con voi), nếu không “ngài” sẽ bị mãng xà nuốt mất.”. Anh Mạnh lo sợ khuyên cha: “Nhưng nếu mãng xà trả thù thì cha con ta cự đương² sao nổi? Chi bằng...” “Không được, làm người không thể vì sợ chết mà làm ngơ trước sự bất công. Voi chỉ ăn cỏ, không làm hại ai, ta cứu voi, giết mãng xà là phải. Con cứ đứng đây, thủ thế sẵn sàng. Cha vào đánh trước, chừng nào cha mệt thì con vào thay.” – ông Bảy Túc căn dặn con.

Anh Mạnh chưa kịp nói gì thì ông Bảy Túc đã xông đến gần con voi rồi. Ông dùng lưới rựa³ bèn chém một phát thật mạnh lên lưng mãng xà. Con mãng xà bị đứt đuôi ngay, đầu nó buông ngọn cây, cả thân nó rơi xuống đất như một cây to vừa bị đốn. Thấy Bảy Túc múa rựa xông đến, nó hốt hoảng chạy trốn. Con voi cũng giật mình bỏ chạy, để lại một khúc đuôi mãng xà dài đến ba bốn sải tay.

Cha con ông Bảy ra sức kéo đuôi mãng xà về làng. Đồng bào rủ nhau đến xem, ai cũng sợ và lo ngại cho gia đình ông. Người ta bảo: Đập rắn thì phải đập nát đầu, nếu không rắn sẽ trả thù trong nay mai. Thấy mình đánh được mãng xà một trận, ông Bảy Túc cũng bớt sợ nó rồi. Hôm sau, hai cha con lại vào rừng kéo gỗ, kéo tre như thường ngày. Không ngờ vừa đến nơi thì thấy gỗ, tre của ông đã được voi kéo giùm ra bờ sông hết. Ngoài ra, có một số gỗ, tre tốt khác cũng đã được voi nhổ cả gốc kéo ra tận bờ sông chất đống cho ông. Thực ra, lúc đánh mãng xà để cứu voi, cha con ông Bảy không nghĩ đến việc sẽ được voi đền ơn đáp nghĩa như vậy. Voi biết trả ơn thì mãng xà cũng biết trả thù. Ông Bảy và anh Mạnh đều hiểu rõ điều này, nên mỗi khi vào rừng, lúc nào cũng chuẩn bị sẵn sàng để đối phó. Ngoài những dụng cụ thợ rừng như búa, rìu, cưa, rựa, hai người luôn mang theo những vũ khí để đánh mãng xà như roi cau rừng, độc ngạnh⁴ có hai đầu, đầu nào cũng có lưới ba chia, cán độc dài đến ba thước. Anh để phòng trường hợp bị mãng xà quấn thì dùng cây độc ấy mà chống hai đầu để thoát.

Quả nhiên, một hôm, hai cha con ông Bảy Túc vừa vào đến bìa rừng thì gặp mãng xà đón đường. Hai người nhận ra ngay con mãng xà bị đánh trước đây, vì nó cụt đuôi và cũng to bằng chiếc cối xay vậy. Vừa thấy hai người thì nó há mồm nom như một cái miếu mở và uốn mình, cất cao đầu lên găm thét, định phóng tới vồ mồi. Ông Bảy vội bảo con núp sau một cây to thủ thế⁵ chờ, còn ông xách rựa bèn xông tới giao chiến⁶ trước. Đánh chưa được một hiệp thì bỗng nhiên ông Bảy bị mãng xà tấp nuốt sống luôn cả cái rựa vào bụng nó. Nuốt người cha xong, con mãng xà hung hãn tiến về phía gốc cây định nuốt luôn người con.

¹ Cổ thụ: cây to sống đã lâu năm.

² Cự đương: chống lại bằng sức lực.

³ Rựa: một loại dao to, sống dày, mũi bằng hoặc cong, dùng để chặt, chẻ.

⁴ Độc ngạnh: một loại vũ khí cổ, hai đầu có chĩa ba nhọn.

⁵ Thủ thế: Giữ mình ở thế thủ khi đánh võ.

⁶ Giao chiến: đánh nhau giữa các lực lượng vũ trang hoặc các nước đối địch.

Nó vẫn há mồm to bằng cái cửa miếu và cặp mắt đỏ như hai ngọn đèn. Anh Mạnh sợ quá toan vút cả độc hai đầu mà chạy. Bỗng anh nghe như có tiếng của lương tâm anh hét lớn: “Đồ hèn nhát, con thú còn biết trả thù. Mi không dám liều chết trả thù cho cha mi sao?”. Lòng thương cha và căm thù mãng xà bỗng bùng bùng nổi dậy, anh liền bước ra trước gốc cây, cầm độc ngạnh sẵn sàng nghênh chiến¹. Con mãng xà mừng rỡ, uốn mình phóng tới như trời sập bên cạnh anh, anh liền múa độc ngạnh, đầu mãng xà cứng như đá, lưỡi độc của anh chỉ chạm vào chóp lửa rồi dội trở ra chứ không ăn thua gì. Rút được bài học kinh nghiệm đau đớn của cha, anh đã tránh được mấy cái tát rất nguy hiểm của con mãng xà. Nhưng sức mãng xà to lắm, anh chỉ vì căm thù nó mà phải đánh, chứ hi vọng thắng được nó cũng rất mong manh. Qua quá trình chiến đấu thực tế, anh quyết định thay đổi cách đánh. Thừa lúc mãng xà há mồm định tát anh một lần nữa, anh bèn nhanh chân nhảy phốc vào trong mồm nó. Mãng xà tưởng ngon ăn vừa khếp mồm lại để nuốt thì cây độc ngạnh hai đầu của anh đã khoá chặt hai hàm của nó, không thể nào ngậm lại được. Bị thương giữa hòng, mãng xà đau đớn vùng vẫy như điên làm nát hàng chục mẫu² rừng. Anh mạnh chạy thẳng vào bụng nó để tìm cha. Ông Bảy được anh cứu tỉnh lại ngay, rồi hai cha con cùng nhau dùng rựa, dao găm tha hồ đánh phá ngay trong lòng mãng xà. Tim, gan, phổi của nó đều bị bầm nát mà mãng xà vẫn còn vùng vẫy được. Nó cố bò ra sông để trắm mình xuống nước. Nhờ đồng bào cả làng Mỹ Lộc cùng nhau đón đánh tiếp, mãng xà chịu chết ở bờ sông. Hai cha con ông Bảy Túc từ trong bụng mãng xà bước ra, được đồng bào hoan nghênh nhiệt liệt.

Sau trận ấy, những con mãng xà khác đều phải bỏ vùng này mà đi hết, đồng bào ra rừng làm ăn thông thả như đi dạo vườn hoa. Lần đầu tiên đồng bào Đồng Nai được ăn thịt mãng xà trong tiệc cưới của Thoan và Mạnh. Ai cũng khen gan mãng xà rất ngon và không còn sợ mãng xà nữa.

(Theo Bùi Quang Huy tuyển chọn và giới thiệu, *Huỳnh Văn Nghệ – Tác giả và tác phẩm*, tập 2, NXB Đồng Nai, 2008)

Chú thích

* *Tác giả Huỳnh Văn Nghệ*: sinh ngày 02/02/1914 tại làng Tân Tịch (xã Tân Uyên, tỉnh Biên Hoà; nay thuộc xã Thường Tân, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương). Ông xuất thân trong làng quê “nghèo sản vật mà giàu truyền thống cách mạng”. Được nuôi dưỡng trong một gia đình nền nếp, giàu nhân nghĩa, Huỳnh Văn Nghệ là hình ảnh kết tinh truyền thống của quê hương, nghĩa khí của cha, đức bao dung của mẹ, bản lĩnh của các anh chị em, sự hồn nhiên của bạn bè và thiên tư của chính mình. Ông theo học sơ học ở trường quận, học tiếp trường nội trú ở trường Petrus Ký Sài Gòn, ra làm công chức hoả xa. Ông tham gia cách mạng rất sớm, có nhiều đóng góp trong binh nghiệp và văn nghiệp của Đồng Nai. Ông mất năm 1977 tại Thành phố Hồ Chí Minh, an táng tại quê nhà. Ông được truy tặng Giải thưởng Nhà nước về Văn học Nghệ thuật năm 2007, truy tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng Vũ trang Nhân dân năm 2009.

¹ *Nghênh chiến*: đón đánh mặt đối mặt.

² *Mẫu*: đơn vị cũ đo diện tích đất. Một mẫu bằng 3 600 mét vuông (mẫu Bắc Bộ) hay 4 970 mét vuông (mẫu Trung Bộ).

HƯỚNG DẪN ĐỌC

1. Con mãng xà được miêu tả hung dữ như thế nào? Từ đó, em có suy nghĩ gì về sự nguy hiểm của vùng núi rừng Đông Nam Bộ khi người dân đến đây khai hoang lập ấp?
2. Điều gì khiến cha con ông Bảy Túc đánh mãng xà trận đầu?
3. Trận chiến sau cùng giữa ông Bảy Túc và anh Mạnh với mãng xà diễn ra ác liệt như thế nào? Điều gì đã khiến anh Mạnh từ chỗ hoảng sợ định bỏ chạy đã quay lại chiến đấu và giết được con mãng xà hung dữ?
4. Qua hình ảnh cha con ông Bảy Túc, em thấy được phẩm chất gì ở những người dân Nam Bộ thời kì khai hoang, lập ấp?
5. Hãy nêu những nhận xét của em về cách kể, cách dẫn dắt tình tiết câu chuyện.

VIẾT

1. Viết văn bản tóm tắt một trong hai truyện: *Sự tích thác Trị An* hoặc *Sự tích trái sầu riêng*.

Gợi ý:

- Phải thể hiện được các ý chính, trình bày theo trật tự thời gian sự kiện.
- Phải nêu được tên các nhân vật, địa danh, sự vật quan trọng.
- Thể hiện được tính cách các nhân vật chính.
- Chú ý các tình huống, chi tiết quan trọng, cách kết thúc tác phẩm.

2. Em hãy viết một đoạn văn (khoảng 100 chữ) với nội dung miêu tả vẻ đẹp của Hồ Trị An, hoặc một vườn sầu riêng, hoặc một sản phẩm gốm sứ Biên Hoà.

3. Viết một văn bản kể lại một lễ hội tại địa phương mà em đã chứng kiến.

Gợi ý:

- Giới thiệu thời gian, không gian diễn ra sự kiện.
- Miêu tả việc đi dự lễ, quang cảnh chờ đón.
- Thuật lại các hoạt động chính của lễ hội.
- Nêu cảm nhận của em, ý nghĩa của lễ hội.

4. Tả vẻ đẹp một khu du lịch tại địa phương.

Gợi ý:

- Giới thiệu địa điểm, tầm quan trọng và sự nổi tiếng của khu du lịch.
- Miêu tả quang cảnh thiên nhiên, con người.
- Kể lại các sự kiện chính, lễ hội (nếu có).
- Lời quảng bá, mời gọi bạn bè đến thăm hoặc nêu cảm tưởng bản thân.

NÓI VÀ NGHE

1. Dựa vào bản tóm tắt truyện *Sự tích thác Trị An* hoặc *Sự tích trái sầu riêng*, em hãy kể lại truyện bằng ngôn ngữ nói.
2. Thuật lại một lễ hội tại địa phương mà em chứng kiến.

Gợi ý các bước:

- Giới thiệu thời gian, không gian diễn ra sự kiện.
- Miêu tả việc đi dự lễ, quang cảnh chờ đón.
- Thuật lại các hoạt động chính của lễ hội.
- Nêu cảm nhận của em, ý nghĩa của lễ hội.



1. Một trong những yếu tố làm cho truyện cổ dân gian hấp dẫn chúng ta là bởi chúng có yếu tố kì ảo. Em hãy chỉ ra những chi tiết kì lạ trong các truyện đã học.
2. Một số truyện cổ dân gian có chức năng lí giải các sự vật hiện tượng trong tự nhiên và xã hội. Trong các truyện đã học, truyện nào có thực hiện chức năng này?



Em hãy sưu tầm các truyện cổ ở địa phương và kể lại cho lớp nghe.

CHỦ ĐỀ 2

ĐỒNG NAI TỪ THỜI NGUYÊN THỦY ĐẾN THẾ KỈ X



MỤC TIÊU

- Mô tả được những nét chính về đời sống dân cư ở Đồng Nai thời tiền sử và sơ sử.
- Nhận biết được một số nét về tình hình kinh tế, văn hoá, xã hội của cư dân Đồng Nai thời kì tiền sử và sơ sử.
- Khái quát được sự hình thành, những đặc điểm chính của vương quốc Phù Nam.
- Nhận biết được một số nét về tình hình kinh tế, văn hoá, xã hội trên vùng đất Đồng Nai dưới thời Phù Nam.



KHỞ ĐỘNG

Em có biết hình ảnh hiện vật dưới đây được gọi là gì không? Hãy cho biết tên gọi và địa điểm khai quật di vật này.



Hình 1. Di vật khảo cổ học của Đồng Nai
(Nguồn: Bảo tàng Đồng Nai)



I. ĐỒNG NAI THỜI NGUYÊN THUỶ

1. Dấu tích thời tiền sử, sơ sử trên vùng đất Đồng Nai

– Theo em, việc tìm thấy nhiều di chỉ khảo cổ của người nguyên thủy trên đất Đồng Nai có ý nghĩa gì?

– Em hãy nêu một số đặc điểm cư trú của người nguyên thủy trên vùng đất Đồng Nai.

Đồng Nai là vùng đất có sự đa dạng về thiên nhiên, địa hình nên từ thời nguyên thủy đã có con người tới chinh phục và sinh sống. Các thành tựu khảo cổ học đã phác họa được bức tranh từ thời tiền sử đến sơ sử trên vùng đất Đồng Nai với nhiều dấu tích của con người thuở sơ khai từ sơ kì Đá cũ sang Đá mới và tới thời kì kim khí.

Qua nhiều cuộc khai quật khảo cổ, các nhà khoa học đã tìm thấy những bằng chứng về sự xuất hiện và sinh sống của con người nguyên thủy trên vùng đất Đồng Nai, phân bố ở miền gò đồi đất đỏ badan và vùng rìa đồng bằng châu thổ miền hạ lưu.

Các nhà khảo cổ học đã phát hiện được công cụ ghè đẽo hai mặt giống rìu tay ở Hàng Gòn và Dầu Giây có niên đại ước định 70 – 60 vạn năm thuộc sơ kì Đá cũ. Tiếp đó, các di chỉ khảo cổ học được khai quật tại nhiều địa điểm như: Xuân Lộc – Long Khánh (Cẩm Tiêm, Núi Đất, Suối Đá, Bình Lộc, Bình Xuân), ở Thống Nhất (Gia Tân hay Dốc Mør), ở Tân Phú (Phú Quý),... có niên đại hàng nghìn năm.



Hình 2.

Di vật đồ đá của người tiền sử ở Đồng Nai

(Nguồn: Bảo tàng Đồng Nai)

Khoảng hơn 4 000 năm trước, trên vùng đất Đông Nam Bộ đã xuất hiện một lớp cư dân mới. Họ là chủ nhân của nền văn hoá Đồng Nai thuộc thời đại kim khí (đồng thau và sắt sớm), sinh sống ở các tiểu vùng sinh thái khác nhau.

Các nhà khảo cổ học đã tìm thấy nhiều di chỉ thời kì này như: Gò Me, Suối Linh, Suối Chồn, Cái Lãng, Cái Vạn, Đồi Mít, Rạch Lá, Bình Xuân, Phước Tân, Hưng Thịnh, Suối Đá, Phú Hoà,... Đặc biệt, tại các di chỉ Bình Đa và Long Hưng, các nhà khảo cổ học tìm thấy số lượng lớn các hiện vật bằng đá và đồ gốm.



Hình 3.
Khai quật di chỉ khảo cổ tại Bình Đa (Biên Hoà) năm 1979
(Nguồn: Bảo tàng Đồng Nai)



Hình 4.
Khai quật di chỉ khảo cổ tại Long Hưng (Biên Hoà)
(Nguồn: Bảo tàng Đồng Nai)



Hình 5. Đàn đá Bình Đa
(Nguồn: Bảo tàng Đồng Nai)

Em có biết?

Việc phát hiện đàn đá tại Bình Đa là một dấu mốc quan trọng trong lịch sử nghiên cứu về các loại nhạc cụ độc đáo trên lãnh thổ Việt Nam. Đàn đá Bình Đa có niên đại cách ngày nay khoảng 3 000 – 2 700 năm. Đàn đá Bình Đa là một sản phẩm văn hoá tiêu biểu và độc đáo của cư dân cổ trên vùng đất Đồng Nai, thể hiện kĩ thuật chế tác đá đã đạt trình độ cao.

Tại Long Giao (nay thuộc xã Long Giao, huyện Cẩm Mỹ) đã khai quật được bộ sưu tập qua đồng (một loại vũ khí cổ), tượng thú.

Với những di chỉ khảo cổ học được khai quật đã chứng minh Đồng Nai là một trong những trung tâm của buổi bình minh xã hội loài người. Các di vật được tìm thấy đã phục dựng được bức tranh về đời sống vật chất và tinh thần của lớp cư dân cổ đầu tiên đi mở cõi trên vùng đất Đồng Nai.

2. Đời sống vật chất và tinh thần của cư dân Đồng Nai thời nguyên thủy

– Trình bày những nét chính về đời sống vật chất và tinh thần của cư dân Đồng Nai thời nguyên thủy.

– Em có nhận xét gì về đời sống của cư dân Đồng Nai thời nguyên thủy?

a. Đời sống vật chất

Cư dân cổ Đồng Nai đã sáng tạo ra những công cụ lao động có hiệu quả cao hơn trong việc chinh phục tự nhiên. Bộ sưu tập hiện vật đa dạng được phát hiện như: cuốc đá, dao đá, rìu mài nhẵn,... và nhiều loại hình đồ gốm ở các di chỉ Cầu Sắt, Bình Đa, Gò Me,... cho thấy cư dân cổ Đồng Nai phát triển nông nghiệp sớm.

Cư dân cổ Đồng Nai sinh sống ở vùng Cầu Sắt – Suối Linh đã bắt đầu trồng lúa (giống lúa khô, trồng trên cạn) từ khoảng hơn 4 000 năm trước. Họ còn trồng được nhiều loại cây ăn quả, cây lấy củ, chăn nuôi nhiều loài động vật.



Hình 6. Công cụ lao động của cư dân thuộc văn hoá Đồng Nai
(Nguồn: Bảo tàng Đồng Nai)

Em có biết?

Các công cụ sản xuất của cư dân cổ Đồng Nai như: dao, cuốc, rìu tay, mũi nhọn, hòn ném, nạo, mảnh tước,... được làm từ đá badan – một chất liệu khá phong phú ở Đồng Nai.

Cư dân Đồng Nai cổ đã biết chế tác đá, họ đã biết sử dụng kỹ thuật trong việc tìm kiếm, lựa chọn nguyên liệu, tách đập, bổ chặt, ghè đẽo, đến nâng cao như mài và trau chuốt, sửa chữa và cải biến, cưa và khoan,... Với nguồn nguyên liệu đá đa dạng và tại chỗ, họ đã chế tác ra nhiều loại công cụ lao động, vật dụng, vũ khí, đồ trang sức, nhạc cụ,...



Hình 7. Dao đá Bình Đa (Biên Hoà)
(Nguồn: Bảo tàng Đồng Nai)

Đồ gốm và nghề làm gốm rất phát triển, các loại đồ dùng trong sinh hoạt như nồi, bát đĩa chân cao, bình, bếp lò,... có mặt trong tất cả các di tích khảo cổ. Ngoài ra còn có nhiều dụng cụ bằng gốm như bàn xoa, dọi se sợi, chày lười,... Ngoài các chất liệu chủ yếu trên trong văn hoá Đồng Nai còn tìm thấy những di vật bằng gỗ, xương, sừng hay mai rùa,... làm công cụ và đồ trang sức.



Hình 8. Nồi gốm cổ – Di chỉ Bình Đa, Suối Chồn
(Nguồn: Bảo tàng Đồng Nai)

Từ nửa sau thiên niên kỉ II TCN, dưới ảnh hưởng của các trung tâm đúc đồng theo “phong cách Đông Sơn”, nghề chế tác kim loại đồng thau ở Đồng Nai đã hình thành và phát triển. Đồ đồng được chế tạo bằng phương pháp đúc trong khuôn hai mang “liên hoàn” nhiều vật đúc: rìu, giáo, lao, mũi tên, lục lạc, lưỡi câu, lao có ngạnh,...

Sự cải tiến về công cụ lao động, đặc biệt là sự ra đời của các loại nông cụ bằng kim khí đã nâng cao hiệu quả sản xuất nông nghiệp và đời sống văn hoá – xã hội của cư dân cổ Đồng Nai.

b. Đời sống tinh thần

Văn hoá Đồng Nai mở đầu cho truyền thống văn hoá tại chỗ ở Nam Bộ với bản sắc riêng và sức sống mãnh liệt. Đời sống tinh thần của cư dân văn hoá Đồng Nai được biết đến qua những di vật như: đàn đá, thẻ đeo bằng đá cuội, tượng lớn, rùa bằng sa thạch,...



Hình 9.
Một số trang sức của cư dân Đồng Nai thời tiền sử
(Nguồn: Bảo tàng Đồng Nai)

Giai đoạn muộn của văn hoá Đồng Nai xuất hiện những di tích mộ táng với hình thức mai táng chủ yếu là “mộ chum”: than tro hoả táng hoặc di cốt được chôn nguyên vẹn trong những chiếc chum, vò lớn bằng gốm hoặc bằng gỗ, cùng nhiều đồ tùy táng có giá trị như: trang sức đá ngọc, mã não, thủy tinh, giáo sắt, đồ gốm minh khí,...

II. ĐỒNG NAI TRONG THỜI KÌ VƯƠNG QUỐC PHÙ NAM

1. Vương quốc Phù Nam

a. Khái quát về vương quốc Phù Nam

- Vương quốc Phù Nam ra đời và tồn tại trong khoảng thời gian nào?
- Những di chỉ khảo cổ về thời Phù Nam được khai quật ở Đồng Nai chứng tỏ điều gì?

Vào đầu Công nguyên (thế kỉ I), trên khu vực Nam Bộ ngày nay đã xuất hiện vương quốc Phù Nam. Vùng đất Đồng Nai ngày nay là một bộ phận lãnh thổ của vương quốc Phù Nam.

Trong khoảng từ thế kỉ III đến cuối thế kỉ V, vương quốc Phù Nam phát triển mạnh mẽ và trở thành một đế chế hùng mạnh.

Phù Nam theo thể chế chính trị quân chủ. Vua đứng đầu nắm mọi quyền hành. Vào thời kì thịnh đạt, Phù Nam trở thành đế chế trên phạm vi rộng lớn ở Đông Nam Á lục địa. Trong đó, vùng đất Nam Bộ Việt Nam ngày nay là trung tâm chính trị, kinh tế lớn nhất của cả nước.

Em có biết?

Trước đây nước này do một vị nữ vương tên là Liễu Diệp cai trị. Phía Nam có một nước Khách, quốc vương là Hồn Diên. Ông chiếm bao và theo lời chỉ dẫn, cưỡi thuyền ra biển đi về hướng đất Phù Nam. Nữ vương Liễu Diệp cho quân ra tấn công và cuối cùng Liễu Diệp xin hàng. Hồn Diên cưới Liễu Diệp vì đây là mối “nhân duyên kì ngộ”. Từ đó, hai người cùng cai trị vương quốc.



Hình 10. Lược đồ đế chế Phù Nam thế kỉ VII

Từ giữa thế kỉ VI, Phù Nam bước vào thời kì suy thoái. Đến giữa thế kỉ VII, Phù Nam bị Chân Lạp thôn tính.

b. Các di chỉ khảo cổ thời vương quốc Phù Nam trên đất Đồng Nai

Đồng Nai xưa thuộc Tiểu quốc Cát Tiên, một trong các thuộc quốc của Phù Nam. Do vị trí xa trung tâm nên các bộ tộc ở đây vẫn tự tổ chức quản lí theo tập tục truyền thống là chính.

Hiện nay, các nhà khảo cổ đã phát hiện được bốn di tích thuộc thời kì Phù Nam trên vùng đất Đồng Nai: Di tích Gò Chiêu Liêu, Di tích Gò Ông Tùng (xã Long Phước, huyện Long Thành), Di tích Cây Gáo I và Di tích Cây Gáo II (xã Cây Gáo, huyện Vĩnh Cửu).



Hình 11. Di tích Gò Ông Tùng (huyện Long Thành)
(Nguồn: Bảo tàng Đồng Nai)

Em có biết?

Di tích Gò Ông Tùng có bình đồ hình chữ nhật, xung quanh xây các vách gạch, trung tâm là một huyệt thờ hình vuông. Trên vách và nền gạch tìm thấy nhiều lỗ cột hình tròn được đục xuyên qua gạch sau khi kiến trúc được xây xong.

Những di tích ở Đồng Nai có niên đại vào khoảng thế kỉ I – II, khá sớm so với các di tích cùng thời ở Nam Bộ.



Hình 12. Kiến trúc gạch phía tây – Di tích Cây Gáo I (huyện Vĩnh Cửu)
(Nguồn: Bảo tàng Đồng Nai)

Em có biết?

Những di tích kiến trúc ở Đồng Nai đều xây dựng bằng gạch mộc (gạch phơi khô hoặc nung qua lửa), có dạng đền thờ của đạo Hin-đu (Ấn Độ giáo). Trên kiến trúc gạch là một kiến trúc khác bằng vật liệu nhẹ (gỗ – tre – lá) làm mái che (khác với kiến trúc của đạo Hin-đu ở Ấn Độ được xây dựng bằng đá, đục trong núi hoặc xây bằng gạch mộc).

Những di tích khảo cổ này cho thấy sự du nhập của văn hoá Ấn Độ vào Phù Nam trên vùng đất Đồng Nai, nhưng đó không phải là sự sao chép nguyên bản mà là sự kết hợp giữa văn hoá bản địa với văn hoá Ấn Độ.

Sau khi vương quốc Phù Nam bị người Chân Lạp thôn tính, Đồng bằng sông Cửu Long cũng dần bị ngập do nước biển dâng cao, cư dân Đồng Nai đã chuyển lên sống ở những vùng đất cao ven sông, ven suối. Khu vực Đồng Nai bị chia cắt với trung tâm Chân Lạp, do đó nhà nước Chân Lạp khó thiết lập hệ thống quản lí trên vùng đất này.

2. Sự phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội trên vùng đất Đồng Nai dưới thời Phù Nam

Em hãy trình bày những dẫn chứng để chứng minh về sự phát triển của kinh tế, văn hoá, xã hội ở Phù Nam và nhận xét.

a. Tình hình kinh tế

Nông nghiệp

Với điều kiện thiên nhiên ưu đãi, có sông rộng, đồng bằng phì nhiêu, cư dân phù Nam trên vùng đất Đồng Nai đã phát triển một nền kinh tế nông nghiệp với cây lúa là chủ đạo.

Thủ công nghiệp

Những di vật khảo cổ được tìm thấy tại các di chỉ cho thấy trình độ tay nghề của thợ kim hoàn vương quốc Phù Nam. Họ đã chế tác được rất nhiều sản phẩm tinh xảo, đặc biệt là đồ trang sức.



Hình 13. Một số hiện vật bằng vàng của cư dân Phù Nam
(Nguồn: Bảo tàng Đồng Nai)

Thương nghiệp

Sự phát triển mạnh mẽ của nông nghiệp và thủ công nghiệp đã thúc đẩy hoạt động buôn bán phát triển ở Phù Nam. Hoạt động buôn bán, trao đổi hàng hoá bằng đường thuỷ diễn ra mạnh mẽ trên tuyến sông Đồng Nai – bến cảng Cần Giở với các vùng phụ cận và Đông Nam Á. Sản phẩm trao đổi chủ yếu là các tài nguyên giàu có từ rừng như gỗ, ngà voi, mật, sáp ong,... để lấy những sản vật mà trong vùng không sản xuất được như vàng, thuỷ tinh, mã não,...



Hình 14. Đồng tiền La Mã được tìm thấy trong những di tích văn hoá Óc Eo
(Nguồn: Bảo tàng Đồng Nai)

Như vậy, trong khoảng thế kỉ I – VII, Phù Nam đã tạo dựng được một nền kinh tế đa dạng, phát triển, góp phần thúc đẩy Phù Nam trở thành đế chế hùng mạnh ở Đông Nam Á.

b. Tình hình văn hoá

Về trang phục: người Phù Nam có trang phục khá đơn giản: phụ nữ mặc váy dài, phần trên để trần hoặc phủ kín; đàn ông đóng khố ngắn, phần trên để trần; cả nam lẫn nữ đều đeo nhiều đồ trang sức, bùa chú,...

Những tấm thổ cẩm, chăn, váy, khố đều do chính bàn tay họ làm ra từ những cây bông tự trồng, tự dệt; màu sắc tự nhuộm từ nhựa cây rừng; hoa văn trang trí được thể hiện khá tinh xảo. Họ làm các loại đồ trang sức như vòng tay, vòng chân, khuyên tai, vòng cổ bằng đồng, bằng bạc; hạt chuỗi, hạt cườm, mã não nhiều màu sắc.

Về chữ viết: người Phù Nam cũng đã sớm tạo ra một loại chữ viết có nguồn gốc từ chữ Phạn của Ấn Độ. Có chữ viết, người dân đã biết sáng tác văn chương, thi ca.



Hình 15. Đồ trang sức bằng đá của cư dân Phù Nam
(Nguồn: Bảo tàng Đồng Nai)



Hình 16. Lá vàng có khắc chữ của cư dân Phù Nam
(Nguồn: Bảo tàng Đồng Nai)

Về tôn giáo – tín ngưỡng: khi Ấn Độ giáo du nhập vào Phù Nam, cư dân Đồng Nai đã tiếp thu và cải biến. Đa số cư dân tôn thờ thần Vis-nu (Vishnu, thần Bảo tồn) và thần Si-va (Shiva, thần Huỷ diệt). Hằng năm, các lễ hội thờ cúng Yang, lễ hội đâm trâu, mừng lúa mới,... cũng được cư dân tổ chức với những nghi thức độc đáo.

Những bộ chiêng là tài sản trong gia đình và là nhạc cụ được sử dụng trong các lễ hội: cúng nhang lúa, cúng thần linh, ma chay, cưới hỏi. Ngoài ra còn một số nhạc cụ tự tạo như: đàn tre, kèn bầu, kèn môi, kèn lúa,....

c. Tình hình xã hội

Xã hội có sự phân chia giai cấp nhưng chưa rõ ràng. Khoảng cách giàu – nghèo không quá lớn, chủ yếu lấy vật dụng gia đình làm thước đo. Những người giàu có trong xã hội sở hữu những tài sản như chiêm, ché, trâu,... còn những người nghèo thì không có tài sản. Trong xã hội còn có tầng lớp nô lệ, họ là những chiến binh thất trận, những người ở trừ nợ.

Xã hội theo chế độ mẫu hệ, tục thách cưới, ở rể phổ biến rộng rãi. Với quan niệm chết là về thế giới bên kia nên có tục lệ người chết được phân chia tài sản đồng đều với những thành viên trong gia đình và được chôn theo hình thức địa táng, xây dựng nhà mồ và có lễ bỏ mả.



Hình 17. Mộ cổ Phù Nam
(Nguồn: Bảo tàng Đồng Nai)

LUYỆN TẬP

1. Trình bày những di tích khảo cổ thời tiền sử, sơ sử ở Đồng Nai.
2. Cư dân cổ trên địa bàn Đồng Nai đã làm nghề gì để sinh sống? Hãy khái quát những bước tiến trong lao động và đời sống của cư dân vùng đất Đồng Nai thời tiền sử và sơ sử.
3. Hãy tóm tắt quá trình hình thành vương quốc Phù Nam. Kể tên một số di tích khảo cổ thuộc thời kì văn hoá Óc Eo tại Đồng Nai. Trong các di tích đó, em ấn tượng với di tích nào nhất? Vì sao?
4. Trình bày khái quát các hoạt động sản xuất chính của cư dân Đồng Nai dưới thời Phù Nam.

VẬN DỤNG

1. Qua sách, báo hoặc thông tin trên mạng internet, em hãy sưu tầm một số hình ảnh hoặc tư liệu về lịch sử Đồng Nai từ thời nguyên thủy đến thế kỉ X.
2. Đóng vai một hướng dẫn viên du lịch, giới thiệu về một di chỉ khảo cổ học ở tỉnh Đồng Nai.

CHỦ ĐỀ 3

VỊ TRÍ ĐỊA LÍ, ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN VÀ TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN TỈNH ĐỒNG NAI



MỤC TIÊU

- Xác định được vị trí địa lí của tỉnh Đồng Nai.
- Nêu được một số đặc điểm cơ bản về địa hình, khí hậu, sông ngòi, đất và tài nguyên thiên nhiên của tỉnh Đồng Nai.



KHỞI ĐỘNG

Học sinh nghe một bài hát về tỉnh Đồng Nai.

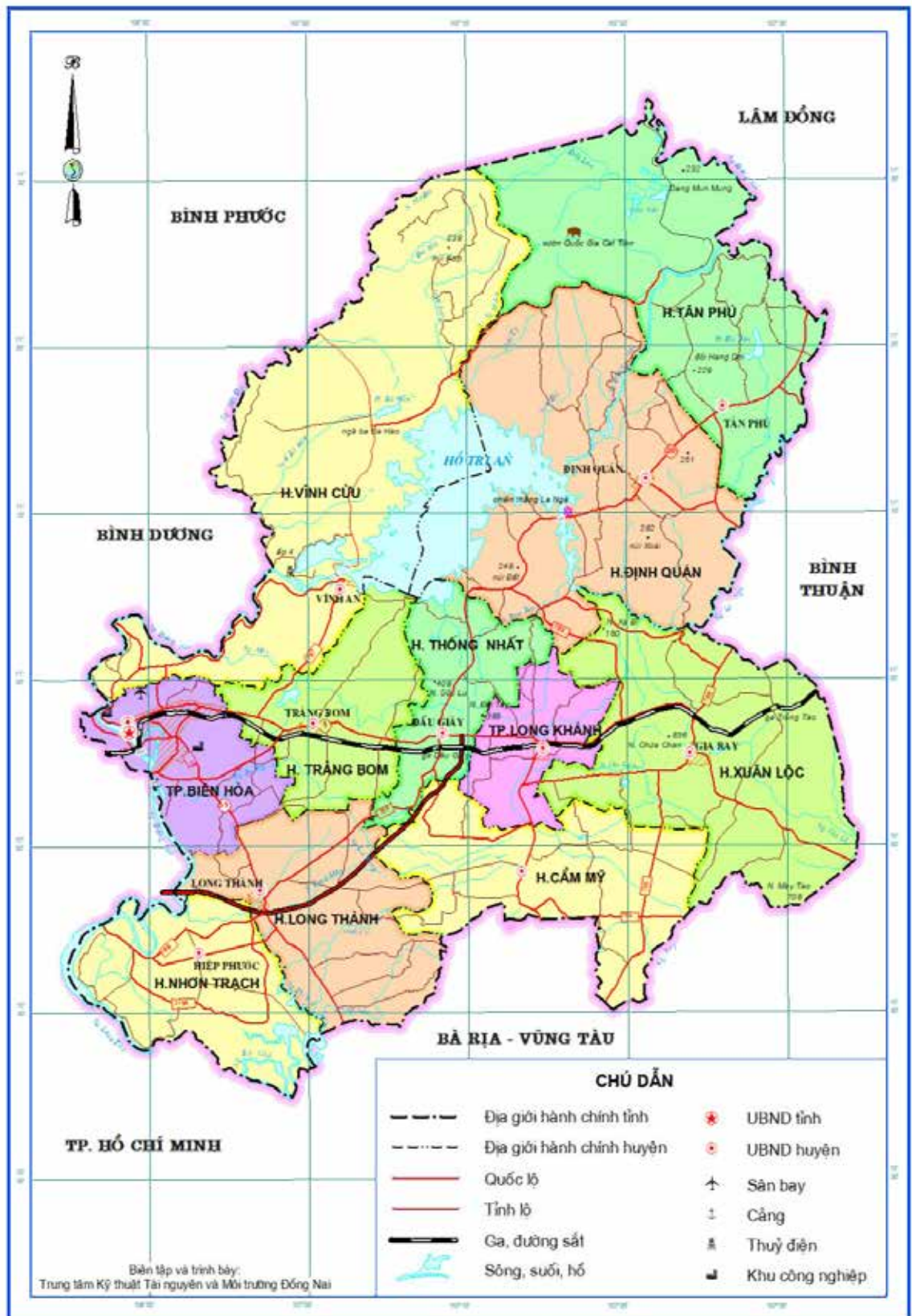


KHÁM PHÁ

I. VỊ TRÍ ĐỊA LÍ CỦA TỈNH ĐỒNG NAI

Dựa vào nội dung bài học và hình 1, em hãy:

- Cho biết tỉnh Đồng Nai tiếp giáp với những tỉnh, thành phố nào.
- Xác định toạ độ địa lí của tỉnh Đồng Nai trên bản đồ.



TỈ LỆ: 1: 550 000

Hình 1. Bản đồ hành chính tỉnh Đồng Nai

(Nguồn: Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai, trích từ Ất lát Đồng Nai)

Về toạ độ địa lí, tỉnh Đồng Nai có toạ độ địa lí:

– Từ $10^{\circ}30'03''$ đến $11^{\circ}34'57''$ vĩ Bắc.

– Từ $106^{\circ}45'30''$ đến $107^{\circ}35'00''$ kinh Đông.

Về vị trí tiếp giáp, Đồng Nai tiếp giáp với các tỉnh:

– Phía đông giáp tỉnh Bình Thuận.

– Phía tây bắc giáp tỉnh Bình Phước, phía tây giáp tỉnh Bình Dương, phía tây nam giáp Thành phố Hồ Chí Minh.

– Phía nam giáp tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

– Phía đông bắc giáp tỉnh Lâm Đồng.

Đồng Nai là tỉnh có vị trí địa lí thuận lợi có nhiều tuyến đường quan trọng đi qua như Quốc lộ 1A, Quốc lộ 20, Quốc lộ 51; tuyến đường sắt Bắc – Nam; gần cảng Sài Gòn, sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất;... đã tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động kinh tế trong vùng cũng như giao thương với cả nước. Đồng thời, nó còn có vai trò gắn kết vùng Đông Nam Bộ với Tây Nguyên và Duyên hải Nam Trung Bộ.

II. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN VÀ TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN TỈNH ĐỒNG NAI

1. Địa hình

Dựa vào hình 2, hình 3 và thông tin bài học, em hãy trình bày đặc điểm địa hình của tỉnh Đồng Nai.



a) Địa hình đồng bằng (huyện Nhơn Trạch)
(Nguồn: Trung tâm xúc tiến du lịch Đồng Nai)

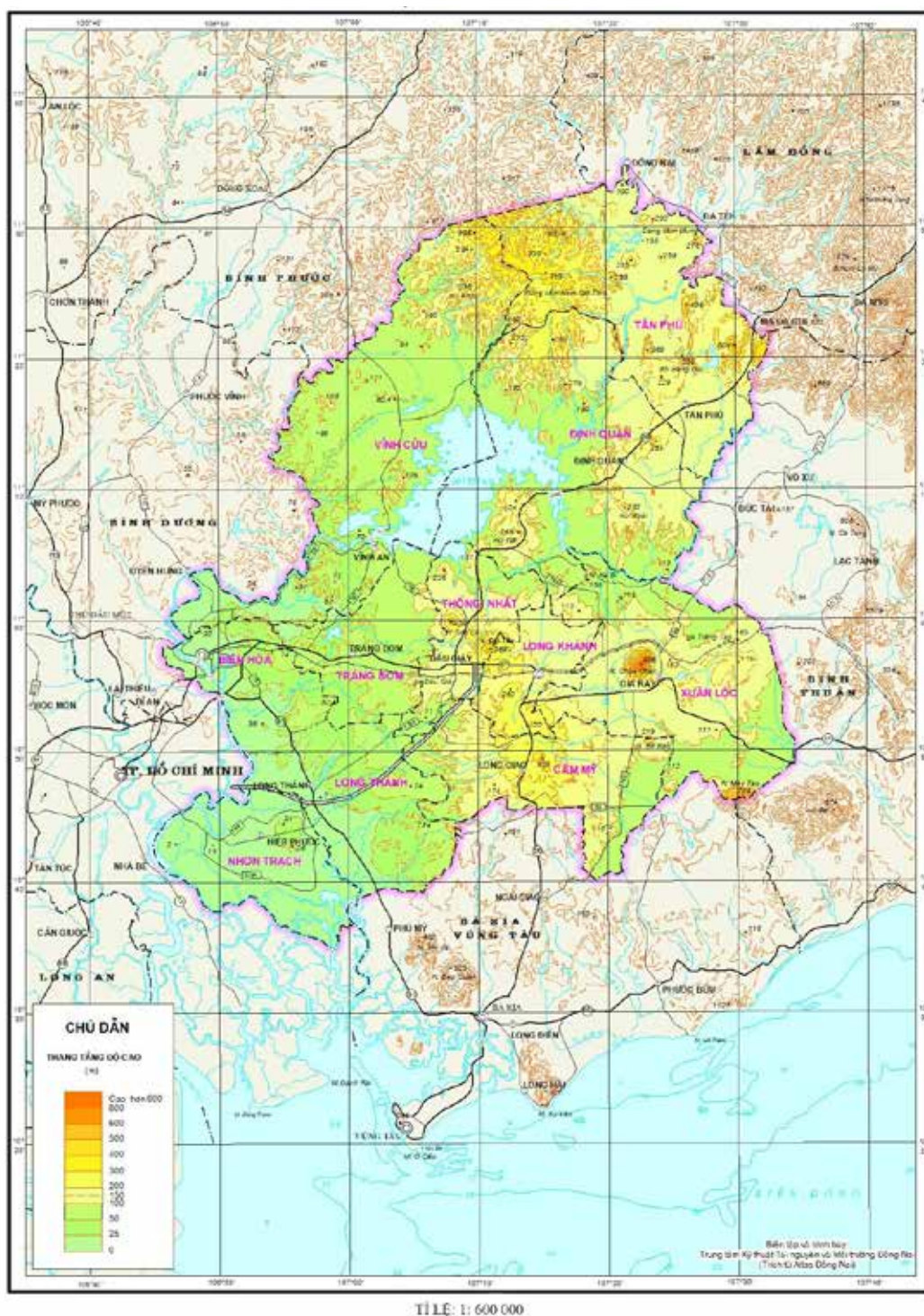


b) Địa hình núi thấp (Núi Chúa Chan,
huyện Xuân Lộc)
(Nguồn: Hà Công Chính)



c) Địa hình lượn sóng (huyện Định Quán)
(Nguồn: Xuân Tiếp)

Hình 2. Một số dạng địa hình ở tỉnh Đồng Nai



Hình 3. Bản đồ địa hình tỉnh Đồng Nai
 (Nguồn: Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai, trích từ Atlas Đồng Nai)

Tỉnh Đồng Nai có một số dạng địa hình chính như: địa hình đồng bằng, đồi lượn sóng và núi thấp.

– Địa hình đồng bằng có một số đặc điểm chính như: địa hình đồng bằng tích tụ sông – đầm lầy có độ cao dao động từ 1 đến 1,5 m; bị chia cắt bởi hệ thống dòng chảy dạng ô mạng; thủy triều thường xuyên lên xuống; phân bố ở khu vực Long Hưng (thành phố Biên Hoà), dọc theo sông Đồng Nai từ Tà Lài đến ngã ba sông La Ngà – sông Đồng Nai. Đồng bằng tích tụ hồ – đầm lầy phân bố ở Phú Điền – Định Quán, Tân Phú; các đồng bằng được hình thành do các hồ bị lấp đầy gần như hoàn toàn; diện tích các đồng bằng này có diện tích nhỏ.

– Địa hình đồi lượn sóng: dạng địa hình này chiếm khoảng 80% diện tích tự nhiên; có độ cao từ 20 đến 200 m; phân bố ở các địa phương như Xuân Lộc, Tân Phú, Định Quán, Long Khánh, Thống Nhất.

– Địa hình núi thấp: trong tỉnh có nhiều núi sót rải rác và phần cuối của dãy Trường Sơn với độ cao thay đổi từ 200 đến 800 m; dạng địa hình này chiếm khoảng 8% diện tích tự nhiên của tỉnh, phân bố chủ yếu ở phía bắc của tỉnh thuộc ranh giới giữa huyện Tân Phú với tỉnh Lâm Đồng và một số núi ở huyện Định Quán, Xuân Lộc.

Địa hình tỉnh Đồng Nai nhìn chung thuận lợi cho việc phát triển giao thông, nông nghiệp, lâm nghiệp, xây dựng, phát triển các đô thị, các khu công nghiệp và các khu dân cư,...

2. Khí hậu

Dựa vào bảng 2 và thông tin trong bài, em hãy:

– Nhận xét về nhiệt độ và lượng mưa trung bình các tháng tại trạm Long Khánh của tỉnh Đồng Nai năm 2017.

– Nêu các đặc điểm khí hậu của tỉnh Đồng Nai.

– Cho biết mùa khô kéo dài đã gây ra những khó khăn gì đối với hoạt động sản xuất và đời sống của người dân.

Bảng 2. Nhiệt độ và lượng mưa trung bình các tháng tại trạm Long Khánh, năm 2017

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Nhiệt độ (°C)	25,5	24,9	27,0	27,7	27,4	26,9	26,2	26,3	26,8	25,8	25,9	24,9
Lượng mưa (mm)	37,6	47,6	1,7	91,8	308,1	300,5	377,6	361,0	230,3	328,9	124,1	53,5

(Nguồn: Niên giám Thống kê tỉnh Đồng Nai 2019, NXB Thống kê, 2020)

Đồng Nai có khí hậu nhiệt đới gió mùa cận xích đạo. Khí hậu của tỉnh Đồng Nai có một số đặc điểm sau:

– Nguồn bức xạ mặt trời nhận được khá phong phú, tổng năng lượng bức xạ trung bình hàng năm nhận được dao động trong khoảng từ 110 đến 120 kcal/cm². Khí hậu được chia làm hai mùa: mùa khô từ tháng 12 đến tháng 3 hoặc tháng 4 năm sau, mùa mưa từ tháng 4 hoặc tháng 5 đến tháng 11.

– Nhiệt độ không khí trung bình năm dao động trong khoảng từ 25,7°C đến 26,7°C; mức chênh lệch nhiệt độ trung bình giữa các tháng không cao.

– Lượng mưa của tỉnh Đồng Nai tương đối lớn trung bình trong khoảng từ 1 500 đến 2 400 mm/năm; các khu vực đón gió mùa Tây Nam như các huyện Tân Phú, Định Quán, Vĩnh Cửu có lượng mưa lớn nhất (trên 2 500 mm/năm).

– Độ ẩm tương đối của không khí trung bình năm dao động trong khoảng từ 80% đến 82% và có sự thay đổi theo mùa, mùa khô độ ẩm tương đối của không khí thấp hơn mùa mưa trong khoảng từ 10% đến 12%.

Nhìn chung, Đồng Nai có khí hậu ôn hoà, ít chịu ảnh hưởng của các loại thiên tai,... thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp, đặc biệt là trồng các loại cây công nghiệp như cao su, cà phê, hồ tiêu, điều,... Tuy nhiên, trong mùa khô, thời tiết khô nóng gay gắt kéo dài dẫn đến tình trạng thiếu nước cho các hoạt động sản xuất và đời sống của người dân. Hiện nay, Đồng Nai cũng như nhiều địa phương khác trong cả nước đang chịu tác động tiêu cực do tình trạng biến đổi khí hậu gây ra.

3. Sông ngòi

Dựa vào hình 4 và thông tin trong bài, em hãy trình bày đặc điểm chính của sông ngòi trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Tỉnh Đồng Nai có mật độ sông suối khoảng 0,5 km/km², chế độ nước sông khá đơn giản, có một mùa lũ và một mùa cạn. Trên địa bàn tỉnh Đồng Nai có một số sông chính như: sông Đồng Nai, sông La Ngà, sông Lá Buông, sông Ray, sông Thị Vải, sông Đồng Tranh,... Trong đó, sông Đồng Nai là sông lớn và giữ vai trò quan trọng, bắt nguồn từ địa phận tỉnh Lâm Đồng, đoạn chảy qua địa bàn tỉnh là phần trung và hạ lưu dài khoảng 220 km.



Hình 4. Sông Đồng Nai
(Nguồn: Hà Công Chính)

Hệ thống sông ngòi của tỉnh Đồng Nai có vai trò rất quan trọng trong việc cung cấp nước cho sản xuất và sinh hoạt, nhất là trong mùa khô. Ngoài ra, sông ngòi còn có giá trị để phát triển giao thông đường sông, xây dựng nhà máy thủy điện,...

Đồng Nai có hệ thống hồ thủy lợi, hồ thủy điện, nguồn nước ngầm phong phú, góp phần điều tiết nguồn nước, phục vụ sản xuất, sinh hoạt, đặc biệt là các tháng cuối mùa khô.

4. Sinh vật

Dựa vào bảng 3 và thông tin trong bài, em hãy:

- Nhận xét về diện tích một số loại rừng của tỉnh Đồng Nai năm 2018.
- Nêu đặc điểm các loài sinh vật của tỉnh Đồng Nai.

Bảng 3. Diện tích một số loại rừng của tỉnh Đồng Nai, năm 2018

Loại rừng	Diện tích (ha)
Tổng diện tích	171 180,9
Rừng sản xuất	38 296,7
Rừng phòng hộ	33 398,5
Rừng đặc dụng	99 485,7

(Nguồn: Báo cáo số 911/BC-SNN ngày 12/3/2021 của Sở Nông nghiệp và PTNT về báo cáo kết quả theo dõi diễn biến rừng năm 2020)

Sinh vật của tỉnh Đồng Nai có sự đa dạng loài và đa dạng về các loại hình cảnh quan. Hiện nay, các khu vực có hệ động, thực vật phong phú nhất tỉnh được bảo tồn như: Khu Bảo tồn thiên nhiên – văn hoá Đồng Nai và Vườn quốc gia Cát Tiên.

Sự đa dạng sinh học của sinh vật thể hiện ở thành phần loài. Thành phần loài thực vật là đa dạng nhất trong các hệ sinh thái của tỉnh Đồng Nai với hơn 1 615 loài thực vật bậc cao (năm 2016). Cùng với đó là sự đa dạng về thành phần loài động vật, có hơn 1 521 loài động vật hoang dã; trong đó có 48 loài đặc hữu, 95 loài nguy cấp (năm 2016)¹.

Trên địa bàn tỉnh Đồng Nai có sự đa dạng loại hình về cảnh quan đặc trưng, cụ thể có:

- Rừng lá rộng thường xanh ẩm nhiệt đới: đây là kiểu rừng chính chiếm diện tích lớn nhất trong toàn bộ diện tích rừng của tỉnh, kiểu rừng này phân bố tập trung chủ yếu ở Khu Bảo tồn thiên nhiên – văn hoá Đồng Nai và Vườn quốc gia Cát Tiên.
- Rừng nửa rụng lá ẩm nhiệt đới: kiểu rừng này phân bố xen kẽ trong các vùng của rừng lá rộng thường xanh. Rừng có trữ lượng khá cao, phân tầng rõ và có nhiều loại cây rụng lá về mùa khô phân bố nhiều ở các huyện Định Quán, Tân Phú.
- Rừng tre nứa hỗn giao cây lá rộng: được hình thành từ rừng thường xanh và rừng nửa rụng lá do tác động khai phá của con người, cháy rừng, chất độc hoá học, khai thác quá mức nên cấu trúc bị thay đổi làm cho rừng bị vỡ tán, đất suy thoái. Tre nứa là loài chịu đựng được yếu tố sinh thái ít tối ưu hơn, có ưu thế hơn trong quá trình xâm lấn so với các loài cây gỗ tiên phong ưa sáng của hệ sinh thái rừng nửa rụng lá.

Ngoài ra, trên địa bàn tỉnh còn một số cảnh quan khác đặc trưng ở các địa phương như: rừng ngập mặn phân bố chủ yếu ở Nhơn Trạch – Long Thành; cảnh quan hành lang sông rạch phân bố dọc theo các hành lang sông Đồng Nai, sông Thị Vải, sông La Ngà, sông Ray, sông Lá Buông, sông Soài Rạp,...

¹ Nguồn: Báo cáo quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học tỉnh Đồng Nai đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 và điều tra, đánh giá bổ sung, cập nhật hiện trạng đa dạng sinh học tỉnh đến năm 2015, Sở Tài nguyên – Môi trường tỉnh Đồng Nai (2017)

Em có biết?

Vườn quốc gia Cát Tiên

Vườn quốc gia Cát Tiên là khu vực hiện nay còn bảo tồn được nhiều loại động, thực vật quý hiếm và có độ che phủ rừng tự nhiên cao (khoảng 80%). Vườn có hệ sinh thái đa dạng như rừng thường xanh ẩm, đồng cỏ và ngập nước,... Địa hình tự nhiên xen kẽ các bầu, đầm, suối,... cộng với hơn 90 km sông Đồng Nai đã tạo nên cảnh quan đặc trưng cho vườn Cát Tiên với những ghềnh, thác, các khu đất ngập nước và bán ngập nước,...

Sự đa dạng về sinh cảnh và chủng loại động, thực vật đã góp phần làm cho Vườn quốc gia Nam Cát Tiên trở thành khu du lịch sinh thái độc đáo. Vườn nổi bật với cảnh quan thiên nhiên kì thú như: Bầu Chim, Bầu Sấu, Suối Tiên, Thác Trời, rừng phong lan, cây cổ thụ trăm tuổi,... Các nhà khoa học, các tổ chức bảo tồn thiên nhiên, sinh viên, học sinh và du khách bốn phương đã tìm thấy ở đây nhiều kiến thức, bài học lí thú cũng như những cảm giác hiếm có, khó quên.

(Nguồn: Cục Di sản văn hoá)



Hình 5. Vườn quốc gia Cát Tiên
(Nguồn: Hà Công Chính)

5. Thổ nhưỡng

Dựa vào hình 6 và thông tin bài học, em hãy nêu đặc điểm các nhóm đất của tỉnh Đồng Nai.

Đồng Nai có quỹ đất khá phong phú với một số nhóm đất chính như:

- Nhóm đất hình thành trên đá badan (đất đen, đất đỏ,...) phân bố chủ yếu ở các huyện như: Tân Phú, Vĩnh Cửu, Định Quán, Thống Nhất, Xuân Lộc. Nhóm đất này thích hợp trồng các loại cây công nghiệp ngắn ngày và cây công nghiệp dài ngày (cao su, cà phê, hồ tiêu,...).

- Nhóm đất hình thành trên phù sa cổ và đá phiến sét (đất xám, đất nâu xám, đất loang lổ,...) phân bố chủ yếu ở các địa phương như: thành phố Biên Hoà, huyện Long Thành, huyện Nhơn Trạch và huyện Xuân Lộc. Các loại đất này thích hợp trồng các loại cây ngắn ngày (đậu nành, đậu,....), một số loại cây ăn trái, cây điều,...

- Nhóm đất phù sa, đất cát,... tập trung chủ yếu ở khu vực ven sông Đồng Nai, sông La Ngà, rất thích hợp trồng lúa nước, hoa màu, rau quả,...

6. Khoáng sản

Dựa vào thông tin trong bài, em hãy kể tên một số loại tài nguyên khoáng sản có ở địa phương em.

Đồng Nai có một số loại khoáng sản như: than bùn, chì, kẽm, nhôm, vàng, kaolin, sét màu, đá vôi, thạch anh, đá xây dựng, đá quý,... Các loại khoáng sản có trữ lượng lớn chủ yếu là đá xây dựng, sét màu, đá vôi, thạch anh,... nguồn cung cấp nguyên liệu cho sản xuất vật liệu xây dựng.



1. Nêu đặc điểm và ý nghĩa của vị trí địa lý tỉnh Đồng Nai đối với phát triển kinh tế – xã hội.
2. Em hãy chọn và trình bày về một nhân tố trong điều kiện tự nhiên của tỉnh Đồng Nai mà em tâm đắc nhất.



1. Dựa vào hình 1, em hãy xác định huyện/thành phố nơi em ở tiếp giáp với các huyện/thành phố nào.
2. Em hãy sưu tầm hình ảnh và chia sẻ cùng các bạn về một tài nguyên thiên nhiên có ở địa phương mà em tâm đắc nhất.

CHỦ ĐỀ 4

ẨM THỰC, CÂY TRÁI ĐỊA PHƯƠNG ĐỒNG NAI



MỤC TIÊU

- Xác định được một số đặc sản và ẩm thực của tỉnh Đồng Nai.
- Trình bày được một số đặc điểm nổi bật của đặc sản bưởi Tân Triều; một số món ăn được làm từ bưởi.
- Có thể giới thiệu được một đặc sản của địa phương cấp huyện; tự hào về truyền thống văn hoá ẩm thực của địa phương.
- Đề xuất được hình thức, biện pháp gìn giữ, giới thiệu, quảng bá,... đặc sản bưởi Tân Triều hoặc đặc sản của địa phương cấp huyện.



KHOẢNG ĐỘNG

Kể những món ăn đặc sản của tỉnh Đồng Nai mà em biết. Em thích nhất món ăn nào?



KHÁM PHÁ

Hoạt động 1: Xác định một số đặc sản và ẩm thực tỉnh Đồng Nai

- Dựa vào hình ảnh và thông tin trong bài, hãy chứng minh Đồng Nai là tỉnh có nhiều đặc sản và ẩm thực phong phú.
- Theo em, đặc sản nào được nhiều người biết khi nhắc đến Đồng Nai?



a. Chôm chôm Long Khánh
(Nguồn: Trung tâm xúc tiến du lịch Đồng Nai)



b. Gà hấp bưởi Tân Triều
(Nguồn: Trung tâm xúc tiến du lịch Đồng Nai)



c. Nấm mối Long Khánh
(Nguồn: Xuân Tiếp)



d. Bánh bèo Nhơn Trạch
(Nguồn: Trung tâm xúc tiến du lịch Đồng Nai)



đ. Xôi chiên phồng Biên Hoà
(Nguồn: Xuân Tiếp)



e. Mít tố nữ Long Khánh
(Nguồn: Xuân Tiếp)



g. Sầu riêng Long Khánh
(Nguồn: Hà Công Chính)

Hình 1. Một số đặc sản, ẩm thực của tỉnh Đồng Nai

Nhờ điều kiện khí hậu ôn hoà, thiên nhiên ưu đãi với nhiều nguyên liệu đặc trưng vùng miền, Đồng Nai đã làm say đắm du khách bốn phương qua sự phong phú của những đặc sản, ẩm thực đặc sắc như: bưởi Tân Triều, chôm chôm Đồng Nai, mít tố nữ Long Khánh,...; những sản vật có từ tự nhiên như: nấm mối Long Khánh, trái ươi rừng, lá khổ qua rừng,...; những món ăn đặc sắc như: gỏi cá Biên Hoà, gà hấp bưởi, canh chua lá giang, lẩu lá khổ qua rừng,...

Hoạt động 2: Tìm hiểu về đặc sản bưởi Tân Triều



a. Bưởi đường lá cam
(Nguồn: Xuân Tiệp)



b. Bưởi ổi
(Nguồn: Xuân Tiệp)

Hình 2. Đặc sản bưởi Tân Triều



Hình 3. Làng bưởi Tân Triều
(Nguồn: Xuân Tiệp)

1. Nguồn gốc của bưởi Tân Triều

Trình bày nguồn gốc của đặc sản bưởi Tân Triều dựa trên những thông tin trong bài và hiểu biết của em.

Làng bưởi Tân Triều nằm ven sông Đồng Nai thuộc cù lao Tân Triều, xã Tân Bình, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai. Lúc mới thành lập vùng đất Tân Triều chủ yếu trồng trầu. Sau năm 1869, nơi này dần phát triển thành vùng trồng bưởi. Người dân Tân Triều kể rằng, năm 1869, khi nhà thờ Tân Triều được xây dựng, cha xứ đã mang hai cây bưởi từ Bra-xin (Brazil) về trồng trước sân. Hằng năm, hai cây bưởi đều cho quả trĩu cành. Thấy vậy, bà con xin chiết nhánh về trồng và nhân rộng khắp vùng. Đến nay, cây bưởi đã trở thành hình ảnh không thể thiếu trong hoạt động sản xuất của người dân nơi đây và dần trở thành đặc sản của tỉnh Đồng Nai với nhiều chủng loại khác nhau như: bưởi đường lá cam, bưởi ổi, bưởi đường da láng, bưởi Thanh Trà, bưởi đường hồng, bưởi lựu,...

2. Giá trị của đặc sản bưởi Tân Triều

Em hãy cho biết giá trị của đặc sản bưởi Tân Triều đối với người dân ở cù lao Tân Triều.

– Giá trị dinh dưỡng

Bưởi Tân Triều có giá trị dinh dưỡng cao. Thành phần vitamin C có trong bưởi Tân Triều giúp hỗ trợ tăng cường sức đề kháng, giúp cơ thể chống oxy hoá; điều tiết lượng cholesterol và giúp giảm cân hiệu quả.

Ngoài giá trị dinh dưỡng, bưởi Tân Triều còn ưa chuộng nhờ vị ngọt thanh. Đặc biệt, chúng còn có thể chế biến thành nhiều món ăn đặc sắc như gỏi bưởi, nem bưởi, chè bưởi,...

– Giá trị kinh tế

Bưởi Tân Triều có giá trị kinh tế cao. Hiện nay, hầu hết các hộ dân ở cù lao Tân Triều đều trồng bưởi, đây cũng là công việc mang lại thu nhập chính cho họ. Thị trường tiêu thụ của bưởi Tân Triều không chỉ dừng lại ở nội địa mà còn đang vươn ra thị trường nước ngoài. Do đó, người dân ở đây luôn thực hiện đúng quy trình trồng và chăm sóc bưởi theo tiêu chuẩn Vietgap nhằm đảm bảo an toàn sinh học, đủ điều kiện để xuất khẩu.

Hoạt động 3: Tìm hiểu một số món ăn chế biến từ bưởi Tân Triều

Kể tên một số món ăn làm từ bưởi Tân Triều mà em biết.

1. Gỏi bưởi Tân Triều

Để món gỏi bưởi ngon nhất, bưởi được chọn phải là bưởi đường còn xanh, chín cây. Thường thức một miếng gỏi bưởi có vị chua the của tép bưởi, ngon ngọt từ tôm sông, thơm dậy mùi cùng với ớt, ngò, đậu phộng, hành phi và giòn giòn của miếng bánh tráng đi kèm làm người ăn vô cùng thích thú.



Hình 4. Gỏi bưởi Tân Triều

(Nguồn: Trung tâm xúc tiến du lịch Đồng Nai)

2. Nem bưởi Tân Triều



Hình 5. Nem bưởi Tân Triều

(Nguồn: Xuân Tiếp)

Để làm nên những chiếc nem bưởi tươi ngon, bắt buộc phải có ba nguyên liệu chính, bao gồm: bưởi, khế chua và đu đủ xanh (nước khế chua làm cho vỏ bưởi tan thành bột, còn đu đủ xanh giúp cho nem bưởi săn chắc, giòn ngon).

3. Chè bưởi Tân Triều

Chè bưởi được xem là đặc sản của làng bưởi Tân Triều. Đậu xanh bùi bùi, vị béo của nước cốt dừa, miếng vỏ bưởi giòn dai là điểm lôi cuốn, hấp dẫn thực khách của món chè bưởi Tân Triều.



Hình 6. Chè bưởi Tân Triều
(Nguồn: Xuân Tiếp)



a. Đậu xanh



b. Dừa nạo



c. Vỏ bưởi



d. Đường

Hình 7. Nguyên liệu nấu chè bưởi
(Nguồn: Xuân Tiếp)



LUYỆN TẬP

1. Em hãy cùng các bạn giới thiệu về nguồn gốc của bưởi Tân Triều.
2. Trình bày những giá trị của đặc sản bưởi Tân Triều. Hãy đề xuất những việc làm nhằm tăng cường quảng bá, giới thiệu đặc sản này đến với mọi người.
3. Hãy chia sẻ với các bạn hương vị của một món ăn làm từ bưởi mà em đã từng thưởng thức.



VẬN DỤNG

Tìm hiểu thông tin từ thực tế hoặc sách báo, mạng internet, em hãy hoàn thành bảng giới thiệu về năm loại đặc sản, ẩm thực của tỉnh Đồng Nai theo mẫu dưới đây:

STT	Tên đặc sản/ẩm thực	Ở huyện/thành phố	Giá bán
1	?	?	?
2	?	?	?
3	?	?	?
4	?	?	?
5	?	?	?

CHỦ ĐỀ 5

BÀI HÁT ĐỊA PHƯƠNG



MỤC TIÊU

- Cảm nhận được tình cảm và ý nghĩa của một số bài hát nổi tiếng viết về tỉnh Đồng Nai.
- Nêu được tên bài hát, tên tác giả và nội dung của một số bài hát.
- Hát đúng cao độ, tiết tấu của bài hát, biết vận động cơ thể hoặc gõ đệm đúng với nhịp điệu.
- Cảm nhận được vẻ đẹp của tác phẩm âm nhạc.



Hình 1. Bầu Sầu – Vườn quốc gia Cát Tiên
(Nguồn: Trung tâm xúc tiến du lịch Đồng Nai)

Hoạt động 1: Tìm hiểu lễ hội địa phương



Hình 2. Lễ hội cồng chiêng của đồng bào dân tộc Châu Ro, huyện Thống Nhất
(Nguồn: Xuân Tiếp)



Hình 3. Lễ hội Tà Tài Phán (Vạn nhân duyên) của đồng bào người Hoa tại thành phố Long Khánh
(Nguồn: Bảo tàng Đồng Nai)

Quan sát và nhận biết:

- Quan sát hình 2, hình 3, hãy cho biết đây là những lễ hội gì ở địa phương.
- Lễ hội được diễn ra vào thời gian nào trong năm?
- Hãy nêu cảm nhận của các em về lễ hội sau khi quan sát hình ảnh.

Hoạt động 2: Tìm hiểu nghệ thuật truyền thống địa phương

Ngoài các lễ hội, Đồng Nai còn có các loại hình nghệ thuật truyền thống tại địa phương như: diễn xướng dân gian, Đờn ca tài tử, hát sắc bùa, múa bóng rối,... Đây là những loại hình nghệ thuật truyền thống cổ xưa, thường được biểu diễn trong các lễ hội, đình chùa, để con cháu hướng về cội nguồn và hiểu biết hơn lịch sử dân tộc.



Hình 4. Múa bóng rối



Hình 5. Đờn ca tài tử

Quan sát và nhận biết:

- Quan sát hình 4, hình 5, hãy cho biết đây là những loại hình nghệ thuật truyền thống gì ở địa phương.
- Các em đã từng thấy và tham gia những loại hình nghệ thuật này chưa?
- Hãy nêu cảm nhận của các em về những loại hình nghệ thuật này sau khi quan sát hình ảnh.



Trong lễ hội, âm nhạc đóng vai trò rất quan trọng, góp phần vào sự thành công của lễ hội. Các tiết mục nghệ thuật được lựa chọn rất kĩ lưỡng, dàn dựng công phu và mang tính nghệ thuật cao. Những tác phẩm âm nhạc phải thể hiện được vẻ đẹp thiên nhiên và con người của tỉnh Đồng Nai.

Hoạt động 1: Giới thiệu bài hát *Tiếng hát Đồng Nai* – nhạc và lời: Hải Triều

Tiếng hát Đồng Nai

Hành khúc

Nhạc và lời: Hải Triều

The musical score is written on ten staves in G major (one sharp) and 2/4 time. The melody is a march, characterized by its rhythmic pattern and key signature. The lyrics are written below the notes, with some lines split across two staves. The lyrics describe the heroism and beauty of Đồng Nai, mentioning its role in the resistance against French colonialism and its natural resources.

Đồng Nai nơi đây hùng anh ghi tên oai phong lừng danh chiến công ngàn
dời anh dũng. Biết bao phen giặc Pháp khiếp kinh bao phen hùng anh ra
tay, quét sạch sài lang giết lũ tham tàn, thế nguyên cùng núi sông, một lòng đồng hy
sinh. Đồng Nai ơi lưu luyến, nơi đây là chốn chiến khu, rừng xanh âm
Đồng Nai ơi oai dũng, kiên gan lừng tiếng khu Đ, Bình Đa diệt
u bao la. Đồng Đồng Nai xanh biếc luân lưu ngày tháng soi danh chiến
quân xâm lăng. Đồng Đồng Nai pha máu phơi sương vui lấp oai danh Pháp
sỹ Biên Hòa. Đồng Xoài, Bàu Cá năm xưa còn đây oai hùng hiên
Mỹ diên cuồng. Bàu Hàm, Bình Giả Xuyên Sơn, Phước An, Long Bình, Tân
ngang. Gia Rây, La Nha, La Nha. Đến muôn
Phong. Suối Sâu, Long Đất, Bến Nứa. Vẳng vang
năm sử xanh còn ghi danh thơm La Nha trên trang huy hoàng.
vang chiến công Đồng Nai giết quân giặc ở sân bay Biên Hòa.

Tìm hiểu bài hát:

Tiếng hát Đồng Nai là một sáng tác của nhạc sĩ Hải Triều viết về chiến công của các chiến sĩ Đồng Nai thân yêu. Với giai điệu mạnh mẽ, dồn dập, trong sáng, tự hào, nhạc sĩ đã cho ta thấy sự kiên cường, bất khuất, anh dũng của các chiến sĩ đã không ngại gian khó, sẵn sàng hi sinh chống giặc ngoại xâm.

- Nghe và vận động theo bài hát *Tiếng hát Đồng Nai*
- Nêu cảm nhận của các em về bài hát trên

Hoạt động 2: Giới thiệu bài hát *Bài ca tuổi trẻ Đồng Nai* – nhạc và lời: Trần Long Ẩn

Bài ca tuổi trẻ Đồng Nai

Hành khúc - Ngọt ngào - Tình cảm

Nhạc và lời: Trần Long Ẩn

The musical score is written on six staves. The first staff begins with a treble clef, a key signature of one flat (B-flat), and a 2/4 time signature. The melody is composed of eighth and quarter notes. The lyrics are written below the notes. The score includes a double bar line after the first line and a repeat sign at the end of the fourth line.

Tuổi trẻ Đồng Nai mang trong mình dòng máu trần Biên ngày xưa.

Mang trong tim di chúc Bác Hồ để lại với muôn vàn yêu thương. Tuổi trẻ Đồng

Nai chúng ta lên đường vì một Việt Nam nước non vững bền. Vì độc lập tự

do con đường ta đi sáng ngời tương lai sáng ngời chân lý. Tuổi trẻ ơi! trong
...Nai ta

lòng ta luôn khắc sâu tình yêu quê hương, như dòng Đồng Nai nước
làm sao quên Cát Tiên rừng xanh nguyên sinh, hay rừng cao su lá

trong ngàn năm vẫn còn. Cùng hòa nhịp tiếng hát công nhân thật rộn
bay chiều xuân êm đềm. Về lại đất chiến khu xưa đẹp tuyệt vời

ràng tiếng hát sinh viên chị nông dân tiếng ca vang trên đồng
lớp lớp thanh niên từng ngày đang nhớ ơn cha anh vô...

lúa. Về Đồng... Tuổi trẻ Đồng Nai! Tuổi trẻ Đồng
...cùng.

Nai! Đang vững vàng đi lên! Đi lên!

Tìm hiểu bài hát:

Bài ca tuổi trẻ Đồng Nai là một sáng tác của nhạc sĩ Trần Long Ẩn. Bài hát có giai điệu mạnh mẽ, dồn dập nhưng chứa chan tình cảm đã cho ta thấy tình yêu quê hương cùng với hoài bão, khát khao đi lên của tuổi trẻ tỉnh Đồng Nai.

- Nghe và vận động theo bài hát *Bài ca tuổi trẻ Đồng Nai*
- Nêu cảm nhận của các em về bài hát trên
- Hãy so sánh tính chất âm nhạc của bài hát *Tiếng hát Đồng Nai* và bài hát *Bài ca tuổi trẻ Đồng Nai*.



Hoạt động 1: Thực hành gõ đệm cho bài hát

1. Quan sát và nhận xét các âm hình tiết tấu dưới đây:

a/



b/



2. Tập gõ các tiết tấu trên với nhạc cụ gõ tùy chọn và vận động cơ thể theo các bước sau:

- Đọc tiết tấu
- Gõ tiết tấu

3. Gõ đệm cho bài hát *Tiếng hát Đồng Nai* theo mẫu a hoặc b bằng bộ gõ cơ thể hoặc sử dụng nhạc cụ tùy chọn.

a/



b/



Hoạt động 2: Giới thiệu bài hát và nghe nhạc

- Bài hát *Đồng Nai 30 năm khúc hát tự hào* – nhạc và lời: Nguyễn Văn Hiên
- Bài hát *Dòng sông Đồng Nai* – nhạc: Trương Quang Lục, lời: Xuân Sách
- Bài hát *Ngọt lòng cây trái Đồng Nai* – nhạc và lời: Vũ Đan Huyền
- Nêu cảm nhận của em sau khi nghe các bài hát trên.

Hoạt động 3: Trò chơi âm nhạc

- Nghe và đoán tên bài hát



Sản phẩm âm nhạc

- Sáng tạo mẫu gõ đệm cho một trong các bài hát trên bằng bộ gõ cơ thể hoặc sử dụng nhạc cụ tùy chọn.



- Em cần làm gì để giữ gìn và phát huy những nét đẹp truyền thống của quê hương Đồng Nai?

Đồng Nai 30 năm Khúc hát tự hào

Moderato

Nhạc và lời: Nguyễn Văn Hiên



Lấp lánh lấp lánh Khu Công nghiệp mới. Mênh mông mênh mông cao su bạt
 ngàn. Áo xanh công nhân niềm tin rực sáng. Áo trắng học trò vươn tới tầm
 cao. Vẫn cứ nhớ mãi Long Thành, rừng Sác. Anh dũng kiên cường từ Chiến khu
 Đ. Tuổi xuân hôm nay không ngừng tiếp bước. Ba mươi năm vang khúc hát tự
 hào. Đồng Nai vững bước đi lên, Đồng Nai năm tháng không quên. Ba mươi
 năm trên vùng đất lửa, triệu bàn tay góp sức dựng xây, Đồng Nai ba mươi năm rực
 ...Nai ba mươi năm rực
 1. 2.
 rở những mùa hoa, Đồng Nai ba mươi năm Khúc hát tự hào. Đồng...
 rở những mùa hoa, Đồng Nai ba mươi năm... ...Khúc hát tự hào.

Dòng sông Đồng Nai

Nhịp vừa - Trong sáng

Nhạc: Trương Quang Lục

Lời: Xuân Sách

Hơ

Man mác dòng sông Đồng Nai êm trong, nghe tiếng hò ơi diu dặt mênh
Hãy hát cùng tôi bài ca yêu thương, hãy hát cùng tôi bài ca quê
mông, sóng vỗ bờ vui dội tiếng yêu thương, Đồng Nai ta đó ai xa mà không
hương, đất đỏ Miền Đông một nắng hai sương, Đồng Nai ta đó ai xa mà không
nhớ. Trong gió lời thơ ngàn xưa vang vọng, sâu lắng chiều nay lòng ta rung
nhớ. Hãy hát cùng tôi bài ca hy vọng, hãy hát cùng tôi bài ca lao
động, Đồng Nai yêu dấu, Đồng Nai yêu dấu. Sóng nước êm dềm,
động, Đồng Nai ta đó, Đồng Nai ta đó. Dáng đứng ngoan cường,
ơi Đồng Nai! Tình ta sâu đậm, dòng sông trôi
ơi Đồng Nai! Làm sao quên được, dòng sông xanh
mang theo hình bóng quê hương như một lời ca mang bài hát quê
âm vang cuộc sống reo vui sôi động ngày đêm như cuộc sống quê
hương, ơi dòng sông! Không thể nào quên, mùa mưa dâng
tôi, ơi Đồng Nai! Không thể nào quên, Trị An tuôn
sóng nước mang nặng phù sa, về đồng quê ta nuôi lúa xanh mùa
thác trắng vang vọng lời ca, hẹn ngày mai không xa thấp lên điện
tới. Oi dòng sông! Oi dòng sông!
sáng. Oi Đồng Nai! Oi Đồng Nai!

Ngọt lòng cây trái Đồng Nai

Tươi vui - Rộn rã

Nhạc và lời: Vũ Đan Huyền

The musical score is written on ten staves of five-line systems. The first staff begins with a treble clef, a key signature of one flat (B-flat), and a common time signature (C). The melody is composed of eighth and quarter notes, with some rests. The lyrics are written below the notes, aligned with the syllables. The score continues with nine more staves, each containing a line of music and its corresponding lyrics. The final staff ends with a double bar line.

Tặng người một trái sầu riêng khi về chớ để ưu phiền (phiền) mình
em. Con sông tiếng vọng về tìm, em vào đội ngũ mang tên là tên Bác
Hò. Hát vang dưới một màu cờ, ngọt lòng cây trái đôi bờ yêu
thương. Tặng người một nhánh chôm chôm, gửi thêm trái bưởi đồng
huơng là hương Biên Hòa, cứ như hò hẹn một nhà thân thương câu
hát có ta là về cùng. Yêu cây xanh lá ai từng leo
cây gỗ quý bia rừng hôm xưa. Giờ bên cây mít cây dừa hồi cô hàng
xóm có vừa là vừa lòng chưa? Tặng người câu hát núi sông bình
lên sắc thắm cờ hồng là hồng hiên ngang. Một vùng hoa trái đơm
bông nuôi câu thơ hẹn đến ngàn thu sau.

NÉT ĐẸP ĐỒNG NAI



Hình 1. Hồ Long Ẩn, Khu du lịch Bửu Long (Nguồn: Trần Hữu Cường)



MỤC TIÊU

- Học sinh cảm nhận được nét đặc trưng của vùng đất Đồng Nai thông qua tác phẩm nghệ thuật.
- Biết một số tác giả, tác phẩm nghệ thuật mang dấu ấn riêng của Đồng Nai về phong cách, chất liệu, đề tài sáng tác, giá trị thẩm mỹ,...
- Biết gìn giữ và phát huy giá trị nghệ thuật truyền thống địa phương.
- Có ý thức trong việc lan toả nghệ thuật đặc sắc của Đồng Nai đến với bạn bè ở địa phương khác.



Hình 2. Quê hương (Nguồn: Trần Thị Lệ Thương)

KHỞI ĐỘNG

Học sinh quan sát các bức ảnh và chỉ ra:

- Đặc điểm, nét đặc trưng, vẻ đẹp của từng địa danh.
- Nêu cảm nhận về vẻ đẹp của một hoặc vài địa danh mà em từng đến.



Hình 3. Thác Giang Điền
(Nguồn: Trung tâm xúc tiến du lịch Đồng Nai)



Hình 4. Cầu Ghềnh (cầu Gành)
(Nguồn: Hà Công Chính)

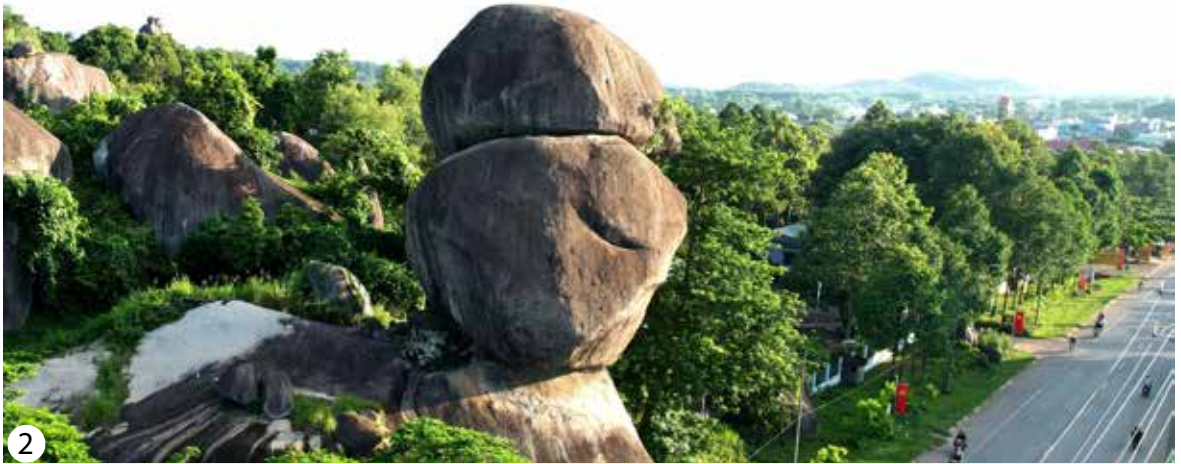
KHÁM PHÁ

Hoạt động 1: Tìm hiểu về đẹp của Đồng Nai

Đồng Nai có nhiều cảnh đẹp và địa danh nổi tiếng như khu du lịch Bửu Long, Văn miếu Trấn Biên, thác Giang Điền, cầu Ghềnh, đá Ba chồng, rừng Nam Cát Tiên, khu du lịch Suối Mơ, làng bưởi Tân Triều, làng bè Tân Mai,...



Văn miếu Trấn Biên (Nguồn: Công Chính)



Đá Ba chồng (Nguồn: Hà Công Chính)



Bưởi Tân Triều (Nguồn: Đông Nghi)



Làng bè Tân Mai (Nguồn: Hữu Nhựt)



Làm gốm (Nguồn: Trần Nhân Giáp)



Mùa sầu riêng (Nguồn: Phạm Ngọc Hiền)

Hình 5. Một số cảnh đẹp và địa danh nổi tiếng của tỉnh Đồng Nai

Hoạt động 2: Tìm hiểu một số tác phẩm của các họa sĩ, nhà điêu khắc Đồng Nai.

Tác phẩm mỹ thuật trưng bày ở không gian công cộng tại Đồng Nai



1
Tượng đài chiến thắng Long Khánh,
tác giả: Trần Thanh Thanh
(Nguồn: Trung tâm xúc tiến du lịch Đồng Nai)



2
Tượng đài chiến thắng Biên Hòa,
tác giả: Nguyễn Phú Cường
(Nguồn: Xuân Tiếp)



3
Tượng Vua Lý Thái Tổ (chép theo mẫu), tác giả: Vi Thị Hoa
(Nguồn: Xuân Tiếp)

Hình 6. Một số tác phẩm mỹ thuật trưng bày ở không gian công cộng tại Đồng Nai

Tác phẩm hội họa



1

Mai Văn Nhơn, *Nụ cười của đất, sơn dầu*



3

Lâm Văn Càng, *Đêm nhạc thánh phòng 1, acrylic*



2

Mai Công Trực, *Nắng xuân, sơn dầu*



5

Nguyễn Văn Phẩm, *Chợ trên sông, sơn dầu*



4

Nguyễn Văn Bình, *Xuân thì, lụa*

Hình 7. Một số tác phẩm hội họa

Tác phẩm đồ họa



1

Nguyễn Văn Bình, *Ven sông*, khắc thạch cao



2

Lâm Văn Càng, *Thăm lại chiến khu xưa*, khắc gỗ



3

Đào Tấn Hưng, *Trấn Biên*, ghép gốm



4

Đào Tấn Hưng, *Về nguồn*, ghép gốm



5

Nguyễn Đức Sơn,
Giấc mơ biển,
Digital Art

Hình 8. Một số tác phẩm đồ họa

Tác phẩm điêu khắc



Phạm Công Hoàng, Ngóng đợi, gò đồng



Thòng Cọc Thành, Chạy lũ, gò đồng



Trần Đình Thắng, Phổ công nghiệp, sắt hàn

Hình 9. Một số tác phẩm điêu khắc

Hoạt động 3: Giới thiệu một số sản phẩm mỹ thuật của thiếu nhi tỉnh Đồng Nai



1 **Nguyễn Thanh Bình Minh, Xuân trên đồi, màu sáp**



2 **Nguyễn Thị Thanh Thơm, Tuổi thơ, poster**



3 **Quỳnh Tiên, Hoa hướng dương, màu bột**



4 **Phan Thị Nhã Tịnh, Nhà ngoại, poster**



5 **Hoàn Kiếm, Góc nhìn cảm xúc, poster**



6 **Nguyễn Phạm Thúy Vi, Phong cảnh, acrylic**

Hình 10. Một số sản phẩm mỹ thuật của thiếu nhi tỉnh Đồng Nai

Phân tích một số tác phẩm tiêu biểu

Học sinh có thể lựa chọn một trong ba tác phẩm mỹ thuật dưới đây về đề tài quê hương Đồng Nai để phân tích khái quát:

Gợi ý các bước phân tích:

- Giới thiệu tác phẩm, tác giả.
- Phân tích nội dung, chủ đề tác phẩm.
- Cảm nhận cá nhân về vẻ đẹp, giá trị của tác phẩm thông qua chủ đề, màu sắc, hình thức và chất liệu thể hiện.



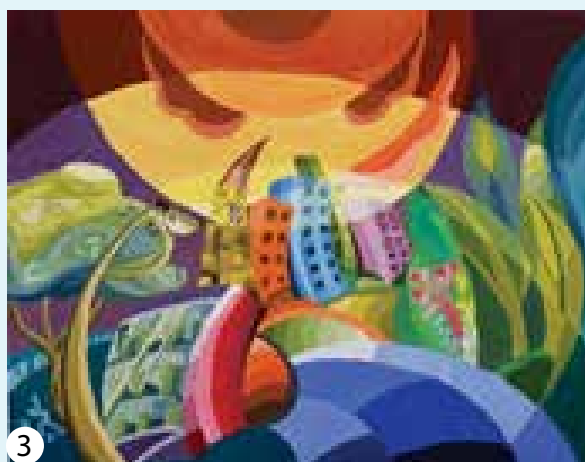
1

Đào Tấn Hưng, *Trấn Biên*, ghép gốm



2

Nguyễn Thanh Bình Minh,
Xuân trên đồi, màu sáp



3

Hoàn Kiếm
Góc nhìn cảm xúc, poster

Hình 11. Một số tác phẩm mỹ thuật về đề tài quê hương Đồng Nai



Thực hành một sản phẩm mỹ thuật về đề tài Đồng Nai

Vẽ, xé dán hoặc nặn (cá nhân hoặc nhóm) một bức tranh theo chủ đề phong cảnh và cuộc sống thường ngày ở Đồng Nai.

Yêu cầu:

- Xác định hình ảnh chủ đạo: phong cảnh Đồng Nai và các hoạt động sinh hoạt, lao động sản xuất,...
- Vật dụng: màu nước, chì màu, acrylic, màu dạ, màu sáp, giấy vẽ, giấy màu, đất nặn,...
- Sau khi hoàn thành tác phẩm, học sinh (hoặc đại diện nhóm) giới thiệu với các bạn về ý tưởng, nội dung tranh vẽ của mình.

MỤC LỤC

Lời nói đầu	3
Hướng dẫn sử dụng tài liệu	4
CHỦ ĐỀ 1: THÔNG ĐIỆP TỪ TRUYỆN KỂ DÂN GIAN	5
CHỦ ĐỀ 2: ĐỒNG NAI TỪ THỜI NGUYÊN THUỶ ĐẾN THẾ KỈ X	24
CHỦ ĐỀ 3: VỊ TRÍ ĐỊA LÍ, ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN VÀ TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN TỈNH ĐỒNG NAI	34
CHỦ ĐỀ 4: ẨM THỰC, CÂY TRÁI ĐỊA PHƯƠNG ĐỒNG NAI	44
CHỦ ĐỀ 5: BÀI HÁT ĐỊA PHƯƠNG	49
CHỦ ĐỀ 6: NÉT ĐẸP ĐỒNG NAI	59

Chịu trách nhiệm xuất bản

Chịu trách nhiệm nội dung

Tổ chức và chịu trách nhiệm bản thảo

Biên tập nội dung :

Trình bày bìa:

Hình minh họa:

Thiết kế sách:

Sửa bản in:

Chế bản: CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ XUẤT BẢN GIÁO DỤC GIA ĐỊNH

TÀI LIỆU GIÁO DỤC ĐỊA PHƯƠNG TỈNH ĐỒNG NAI LỚP 6

Mã số:

In bản (QĐ), khổ 19 x 26,5 cm.

Đơn vị in :

Địa chỉ :

Số ĐKXB:

Số QĐXB : ngày tháng năm 2021

In xong và nộp lưu chiểu tháng năm 2021.